

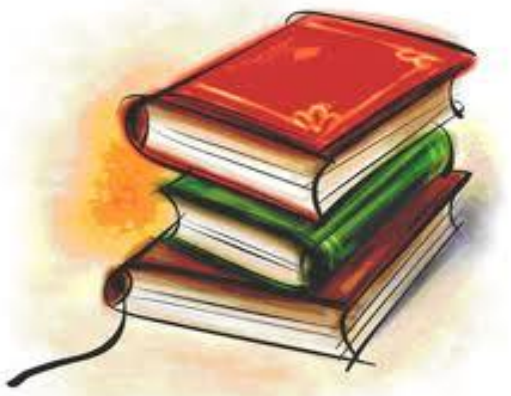
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
CÔNG THƯƠNG**



**BÁO CÁO  
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI:**

**KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT  
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM  
TẠI CÔNG TY TNHH TIẾN NHÌ**



**GVHD: TS. LÊ NGỌC LỢI  
SVTT : TRƯƠNG NGỌC HẠNH  
MSSV: C1C-02-011  
Lớp : C10C-ĐD-CT02  
Nhóm : 4  
Khóa : 2010 – 2012**

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2011**

*SVTT: Trương Ngọc Hạnh*

# MỤC LỤC



Lời mở đầu.....

Lời cảm ơn.....

Nhận xét của công ty.....

Nhận xét của giáo viên.....

## **Phần 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty TNHH Tiến Nhi .....** 1

1. Những vấn đề cơ bản về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm:..... 1

1.1. Chi phí sản xuất..... 1

a/ Khái niệm..... 1

b/ Vai trò của chi phí sản xuất..... 1

c/ Nguyên tắc hạch toán..... 2

d/ Nhiệm vụ kế toán..... 2

1.2. Giá thành sản phẩm..... 2

a/ Khái niệm..... 2

b/ Nguyên tắc hạch toán..... 3

c/ Nhiệm vụ kế toán..... 3

2. Kế toán chi phí:..... 4

2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:..... 4

a/ Khái niệm..... 4

b/ Tài khoản sử dụng..... 4

c/ Phương pháp hạch toán..... 5

2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp..... 5

a/ Khái niệm..... 6

b/ Tài khoản sử dụng.....	6
c/ Phương pháp hạch toán.....	6
2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung:.....	7
a/ Khái niệm.....	7
b/ Tài khoản sử dụng .....	8
c/ Phương pháp hạch toán.....	8
3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất: .....	11
3.1.Phương pháp kê khai thường xuyên .....	11
a/ Tài khoản sử dụng.....	11
b/ Phương pháp hạch toán .....	11
3.2. Phương pháp kiểm kê định kì.....	12
a/ Tài khoản sử dụng.....	12
b/ Phương pháp hạch toán .....	13
4. Đánh giá sản phẩm dở dang: .....	14
1. Khái niệm .....	14
2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang: .....	14
a/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính (NVL trực tiếp) .....	15
b/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương: .....	15
c/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch: .....	26
5. Tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp .....	17
5.1. Khái niệm .....	17
5.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm: .....	17
a/ Phương pháp trực tiếp: .....	18
b/ Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ: .....	18

c/ Phương pháp hệ số: .....	19
<b>Phần 2: Thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Tiến Nhi:.....</b>	<b>20</b>
<b>A/ Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Tiến Nhi: .....</b>	<b>20</b>
1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty: .....	20
1.1. Giới thiệu về công ty TNHH Tiến Nhi .....	20
1.2. Lịch sử hình thành .....	20
1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty .....	21
a/ Chức năng .....	21
b/ Nhiệm vụ .....	21
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy kế toán: .....	22
2.1. Sơ đồ tổ chức công ty .....	22
2.2. Chức năng của các phòng ban .....	23
a/ Giám đốc .....	23
b/ Phó Giám đốc .....	23
c/ Bộ phận quản lý: .....	23
d/ Phòng kỹ thuật .....	24
e/ Phòng kế toán .....	24
f/ Phòng sản xuất.....	24
g/ Phòng Marketing.....	24
3. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán: .....	25
3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán .....	25
3.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng .....	25
3.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....	26
3.4. Nhiệm vụ của từng bộ phận .....	26
a/ Nhiệm vụ .....	26

b/ Hệ thống sổ sách tại Công ty: .....	27
4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty về phương hướng phát triển: ....	29
4.1. Thuận lợi .....	29
4.2. Khó khăn .....	29
4.3. Phương hướng hoạt động trong thời gian tới .....	29
<b>B/ Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Tiến Nhi: .....</b>	<b>30</b>
1. Tổng quát về tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty: .....	30
1.1. Phân loại chi phí sản xuất tại công ty.....	30
1.2. Đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm .....	31
1.3. Kỳ tính giá thành tại công ty .....	31
2. Kế toán chi phí sản xuất tại công ty: .....	31
2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: .....	31
a/ Các loại nguyên vật liệu chủ yếu tại công ty .....	31
b/ Đánh giá nguyên vật liệu nhập – xuất tại công ty .....	31
c/ Nguyên tắc tập hợp chi phí .....	32
d/ Chứng từ sử dụng: .....	32
e/ Sổ sách sử dụng: .....	32
f/ Trình tự ghi sổ: .....	33
g/ Tài khoản sử dụng .....	34
h/ Trình tự hạch toán: Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	35
2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp: .....	39
a/ Chứng từ sử dụng .....	39
b/ Sổ sách sử dụng .....	39
c/ Trình tự ghi sổ .....	40
d/ Tài khoản sử dụng .....	41

e/ Trình tự hạch toán: Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	41
2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung:	43
a/ Chứng từ sử dụng	43
b/ Sổ sách sử dụng	43
c/ Trình tự ghi sổ	44
d/ Tài khoản sử dụng	45
e/ Trình tự hạch toán: Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty	45
3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì	51
4. Kế toán giá thành sản phẩm tại công ty	51
4.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất:	51
a/ Chứng từ sử dụng	51
b/ Sổ sách sử dụng	52
c/ Trình tự ghi sổ	52
d/ Tài khoản sử dụng	52
e/ Tính giá thành cho các sản phẩm:	52
4.2. Kế toán các khoản điều chỉnh giảm giá thành	53
4.3. Phương pháp tính giá thành	53
<b>Phần 3: Nhận xét và kết luận</b>	61
1. Nhận xét chung	61
1.1. Những ưu điểm của công ty	61
1.2. Những hạn chế của công ty	66
2. Kiến nghị	68
❖ Về tổ chức công tác kế toán	68
❖ Về tổ chức luân chuyển chứng từ	69
❖ Về công tác kế toán	69
3. Kết luận	71

# LỜI MỞ ĐẦU

Sau những năm đổi mới nền kinh tế nước ta đang từng bước phát triển hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Để đạt được những thành quả về kinh tế như hiện tại. Đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hay kinh doanh dịch vụ thì mục tiêu cuối cùng đó chính là lợi nhuận, do vậy việc tiết kiệm chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn là vấn đề được các nhà quản lý quan tâm. Từ đó có thể xác định được kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời nó còn là cơ sở để doanh nghiệp đánh giá và phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đề ra những phương hướng phát triển tiếp theo.

Trong qua trình tìm hiểu và thực tập tại công ty TNHH Tiến Nhi, em nhận thấy được công ty rất quan tâm đến theo dõi và hạch toán nhằm tính ra giá thành sản phẩm một cách chính xác và hợp lý. Chính vì vậy, em chọn đề tài: “kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Tiến Nhi”

Nội dung của đề tài gồm 3 phần:

**-Phần I: Cơ sở lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong sản xuất.**

**-Phần II: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Tiến Nhi.**

**-Phần III: Một số nhận xét và kết luận.**

# Lời Cảm Ơn

Vậy là hai tháng thực tập tại Công ty TNHH Tiến Nhi cũng trôi qua, hôm nay em rất vui và tự hào với những gì mình đã được học, được nghe và được thấy từ công việc thực tế.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Ban Giám Hiệu cùng với tất cả Thầy Cô đang công tác tại trường đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập. Đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của Cô Nguyễn Thị Duyên Mai, Người đã hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt thời gian thực tập để em có thể hoàn thành cuốn báo cáo thực tập này.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty TNHH Tiến Nhi cùng toàn thể Anh Chị trong phòng kế toán đã tận tình chỉ dẫn, tạo mọi điều kiện giúp em vận dụng kiến thức đã học vào công việc thực tiễn của mình.

Tuy vậy, việc làm báo cáo thực tập đối với em là hết sức mới mẻ, với kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên có những nội dung em trình bày trong báo cáo chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết, thiếu sót nhất định, Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của nhà trường và Thầy Cô để em nhận thấy được thiếu sót của mình. Sau cùng em chúc Thầy Cô cùng ban lãnh đạo Công ty luôn dồi dào sức khỏe hoàn thành tốt công việc. Em xin chúc Công ty ngày càng phát triển, khẳng định vị thế của mình ngày một vững chắc hơn nữa.

Sinh viên thực tập





# Nhận Xét Của Công Ty

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....

Giám đốc



# Nhận Xét Của Giáo Viên

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kết quả chấm điểm của Giáo viên:

Tổng số điểm bằng số:

Tổng số điểm bằng chữ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm .....

Giáo viên



## **1. Những vấn đề cơ bản về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

### **1. 1. Chi phí sản xuất:**

#### *a/ Khái niệm:*

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động sản xuất trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm)

#### *b/ Vai trò của chi phí sản xuất:*

- Là căn cứ để tính giá thành sản phẩm.
- Là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của đơn vị.

#### *c/ Nguyên tắc hạch toán:*

#### **♣** Phân loại theo yếu tố chi phí:

- ***Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu (621)***: phản ánh toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ, nhiên liệu, động lực..., sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- ***Yếu tố chi phí nhân công trực tiếp (622)***: gồm tổng số tiền lương, phụ cấp lương phải trả cho người lao động cùng với số trích cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho người lao động tính vào chi phí.

- ***Yếu tố chi phí sản xuất chung (627)***: gồm toàn bộ các chi phí còn lại phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất sau khi đã loại trừ chi phí nguyên, vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp nói trên.

- ***Yếu tố chi phí bán hàng (641)***: gồm toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dụng cụ trong kỳ.

- ***Yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp (642)***: bao gồm toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quản trị kinh doanh và quản lý hành chính trong phạm vi toàn doanh nghiệp mà không tách được cho bất kỳ hoạt động hay phân xưởng nào.

- ***Yếu tố khấu hao tài sản cố định***: phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ phải tính trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

- ***Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài***: phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh như: điện, nước, tư vấn,....

- ***Yếu tố chi phí khác bằng tiền***: gồm các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ như: chi phí giao dịch, chi phí tiếp khách,...

$\text{Giá thành sản xuất} = 621 + 622 + 627$
---

d/ Nhiệm vụ kế toán:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời từng khoản mục chi phí phát sinh và toàn bộ chi phí thực tế phát sinh theo từng đối tượng hạch toán, từng loại sản phẩm trong quá trình sản xuất.

- Kiểm tra tình hình thực hiện định mức chi phí, các dự toán chi phí phục vụ sản xuất và quản lý nhằm thúc đẩy sản xuất sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, thiết bị, lao động và các chi phí khác.

## 1. 2. Giá thành sản phẩm:

a/ Khái niệm: Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

b/ Nguyên tắc hạch toán:

♣ Phân loại thời điểm và nguồn số liệu để tính giá thành.

- Giá thành kế hoạch: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

- Giá thành thực tế: giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

♣ Phân loại theo nội dung cấu thành tổng giá thành sản phẩm.

- Giá thành sản xuất: là chỉ tiêu phản ánh tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất khối lượng sản phẩm.

- Giá thành tiêu thụ: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Giá thành				
toàn bộ của SP	=	Giá thành sản xuất của SP	+	Chi phí quản lý doanh nghiệp
			+	Chi phí bán hàng

c/ Nhiệm vụ kế toán:

- Tính toán kịp thời, chính xác giá thành từng loại sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành. Qua đó, phân tích được tình hình thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp.

- Cung cấp số liệu kịp thời cho việc lập báo cáo tài chính, lập kế hoạch giá thành cho kì sau.

## 2. Kế toán chi phí:

### 2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

#### a/ Khái niệm:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí dùng để sản xuất sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

#### b/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” để phản ánh chi phí nguyên vật liệu dùng sản xuất sản phẩm.

#### c/ Phương pháp hạch toán:

#### ♣ Công thức phân bổ:

Chi phí VLC trong kỳ	=	Vật liệu tồn đầu kỳ	+	Vật liệu xuất trong kỳ	-	Vật liệu tồn kho cuối kỳ	-	Giá trị phế liệu thu hồi
-------------------------	---	------------------------	---	---------------------------	---	-----------------------------	---	-----------------------------

#### ♣ Định khoản:

1) Xuất kho vật liệu để sản xuất:

Nợ 621

Có 152, 611

2) Vật liệu sử dụng không hết để lại phân xưởng:

Nợ 621

Có 152, 611

3) Nhập kho vật liệu sử dụng không hết:

Nợ 152, 611

Có 621

4) Mua vật liệu sử dụng ngay để sản xuất:

Nợ 621

Nợ 133

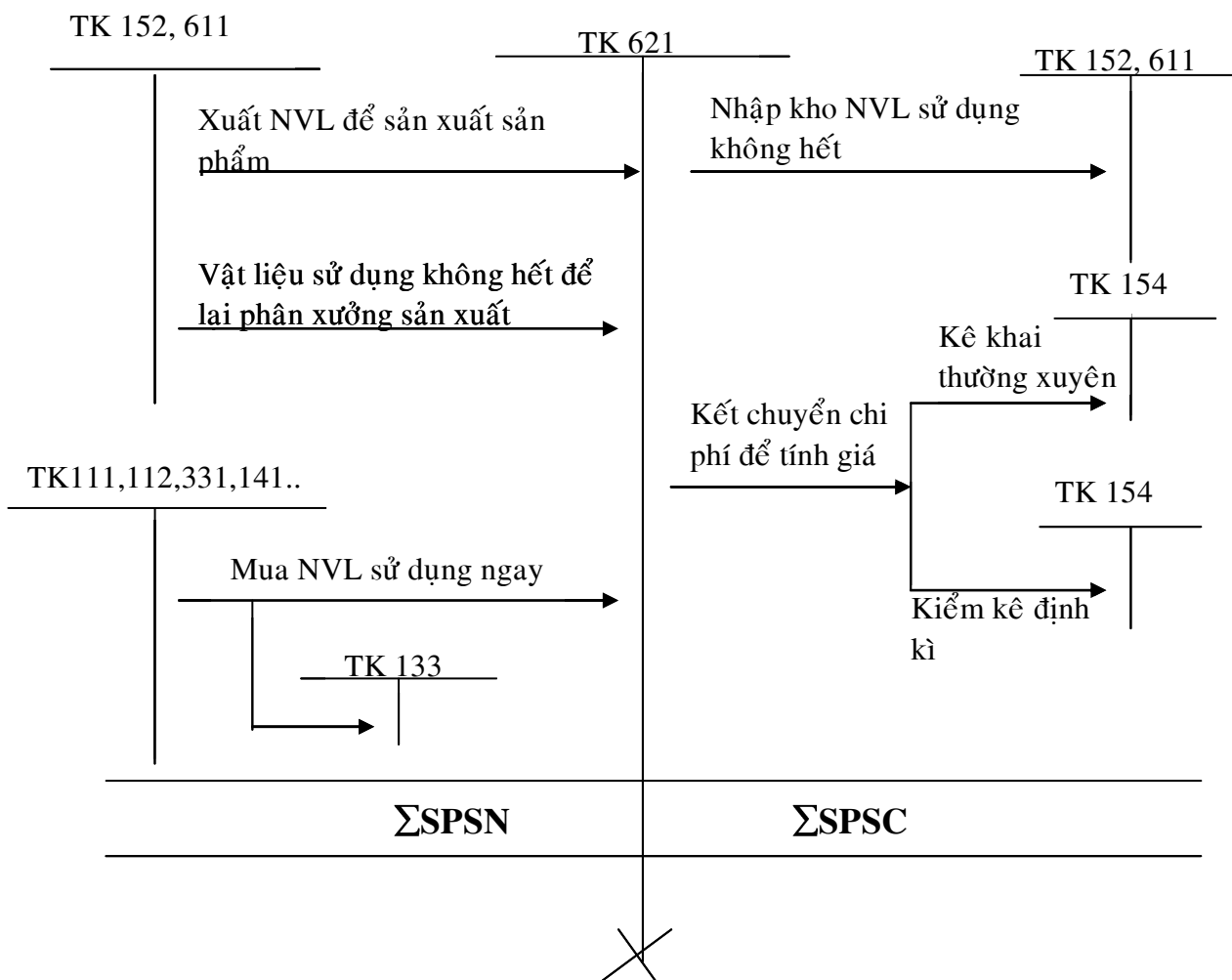
Có 111, 112, 331

5) Cuối kì kết chuyển chi phí để tính giá thành:

Nợ 154, 631

Có 621

❖ **Sơ đồ hạch toán:**





## 2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

### a/ Khái niệm:

Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.

### b/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 622 “chi phí nhân công trực tiếp” để phản ánh khoản tiền lương, các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân sản xuất.

### c/ Phương pháp hạch toán:

- Lương phải trả cho công nhân sản xuất:

Nợ 622

Có 334

- Các khoản trích theo lương:

Nợ 622

Có 338 (2,3,4,9)

- Trích trước lương nghỉ phép của công nhân sản xuất trong kì:

Nợ 622

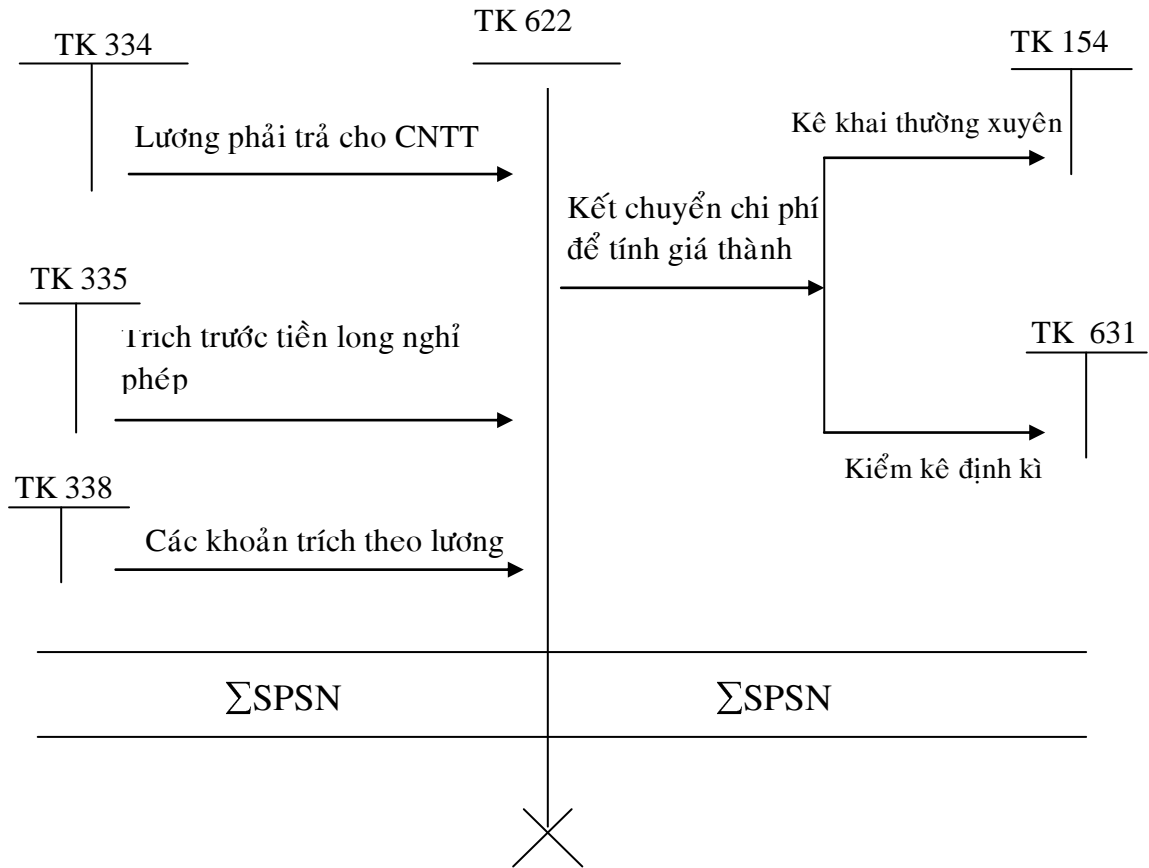
Có 335

- Cuối kì kết chuyển chi phí tính giá thành:

Nợ 154, 631

Có 622

❖ **Sơ đồ hạch toán:**



**2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung:**

a/ Khái niệm:

Chi phí sản xuất chung là những chi phí liên quan đến phục vụ, quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận, tổ sản xuất như: chi phí tiền lương, các khoản phải trả khác cho nhân viên quản lý phục vụ phân xưởng, chi phí NVL, CCDC sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ trong phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài chi phí khác bằng tiền.

b/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” để phản ánh những chi phí phục vụ cho sản xuất thuộc phạm vi phân xưởng.

c/ Phương pháp hạch toán:

♣

Công thức phân

bổ:

Mức phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm	=	$\frac{\text{Tổng Chi phí SX chung phát sinh trong kì}}{\text{Tổng số đơn vị của các đối tượng được phân bổ theo tiêu được chọn}}$	x	Số đơn vị của Đối tượng theo tiêu thức đã chọn
---	---	--	---	--

♣ Định khoản:

- Lương phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng:

Nợ 627

Có 334

- Các khoản trích theo lương

Nợ 627

Có 338 (2,3,4,9)

- Xuất kho NVL sử dụng cho phân xưởng

Nợ 627

Có 152, 611

- Mua VL sử dụng ngay cho phân xưởng

Nợ 627

Nợ 133

Có 111, 112, 331

- Xuất công cụ dụng cụ sử dụng cho phân xưởng

Nợ 627

Có 153, 611

- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều lần

Nợ 627

Có 142, 242

- Trích khấu hao TSCĐ

Nợ 627

Có 214

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Nợ 627

Nợ 133

Có 111, 112, 331

- Chi phí bằng tiền khác

Nợ 627

Nợ 133

Có 111, 112, 331

- Các khoản làm giảm chi phí

Nợ 111, 152, 335....

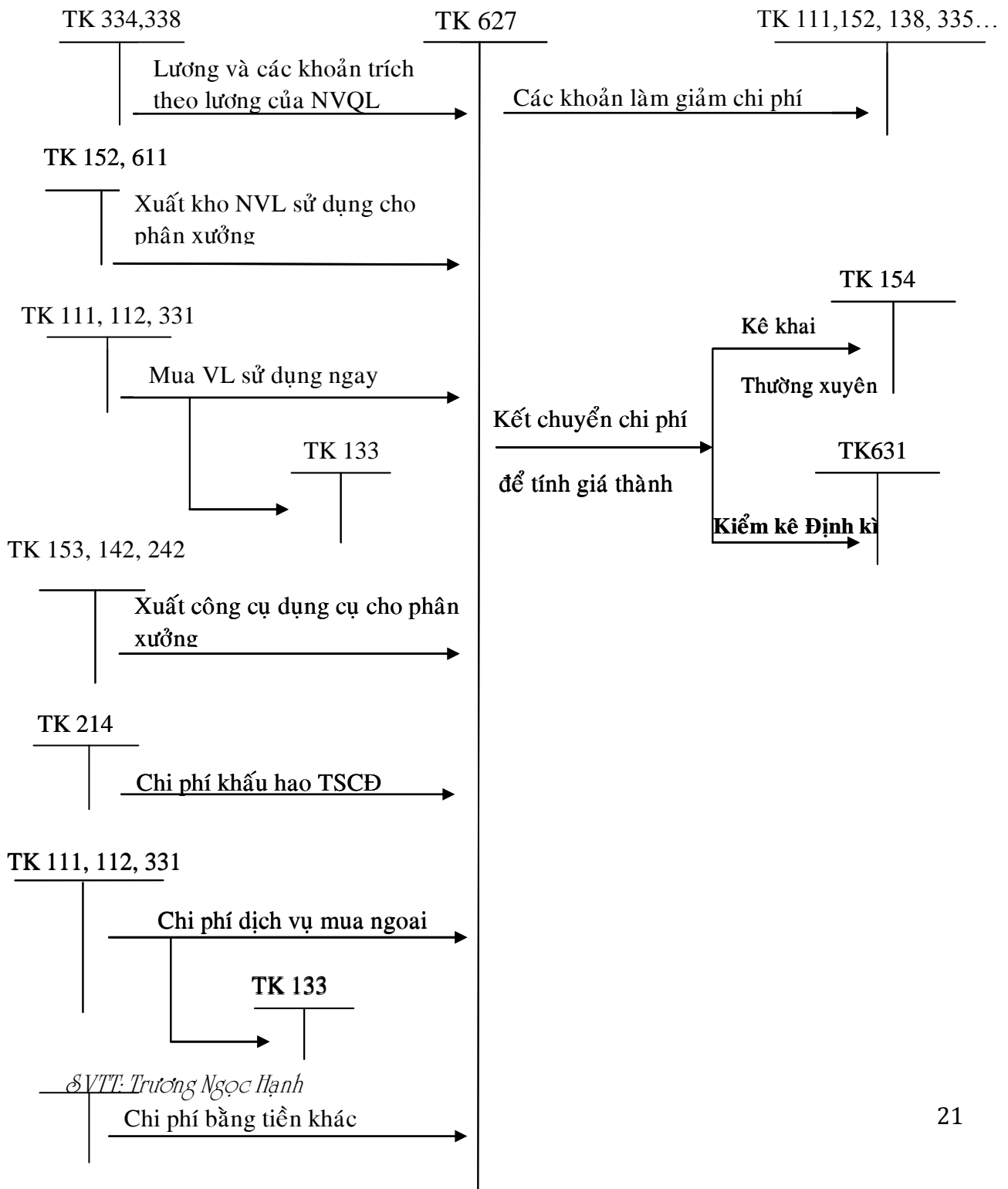
Có 627

- Cuối kì kết chuyển chi phí để tính giá thành

Nợ 154

Có 627

❖ **Sơ đồ hạch toán:**



TK 111, 335

Chi phí bằng tiền khác

$\Sigma$ SPSN

$\Sigma$ SPSC

### 3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất:

#### 3.1 Phương pháp kê khai thường xuyên:

##### a/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ và trên cơ sở đó tính giá thành sản phẩm.

##### b/ Phương pháp hạch toán:

- Tập hợp các chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung trên các tài khoản 621, 622, 627.

- Nhập kho phế liệu

Nợ 152

Có 154

- Bồi thường thiệt hại trong sản xuất

Nợ 111, 1388

Có 154

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tính giá thành

Nợ 154

Có 621

Có 622

Có 627

- Nhập kho thành phẩm (theo tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành)

Nợ 155

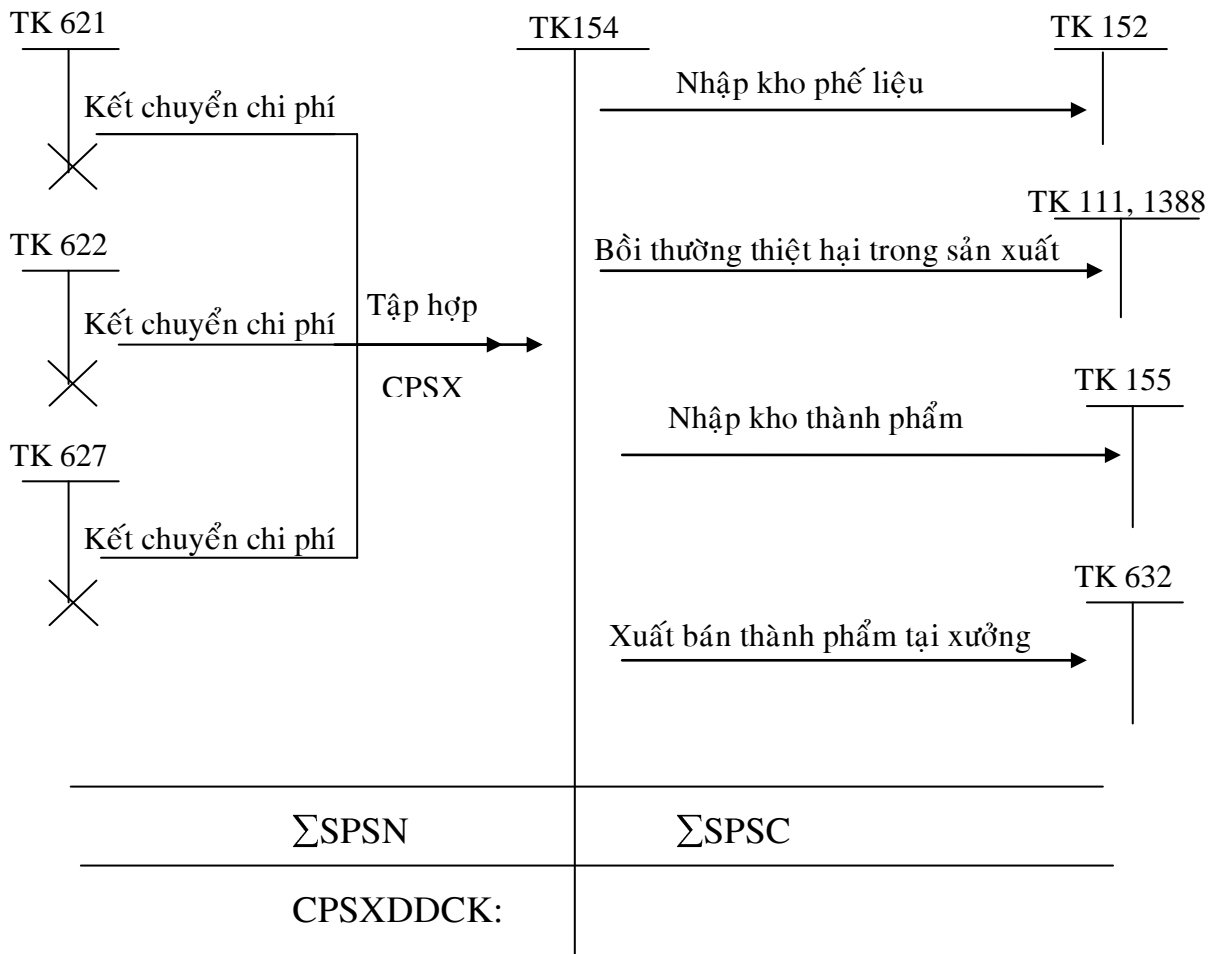
Có 154

- Xuất bán thành phẩm tại xưởng (theo tổng giá thành của sản phẩm hoàn thành)

Nợ 632

Có 154

❖ **Sơ đồ hạch toán:**



### 3.2 Phương pháp kiểm kê định kì:

a/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 631 “ giá thành sản xuất” để tập hợp chi phí sản xuất trong kì và trên cơ sở đó tính giá thành sản phẩm.

b/ Phương pháp hạch toán:

1) Đầu kì kết chuyển trị giá VL tồn kho

Nợ 611

Có 152

2) Đầu kì kết chuyển chi phí sản xuất dở dang

Nợ 631

Có 154

3) Đầu kì kết chuyển trị giá thành phẩm tồn kho

Nợ 632

Có 155

4) Tổng hợp tình hình nhập xuất NVL trên tài khoản 611. Cuối kì kết chuyển tồn kho nguyên vật liệu.

Nợ 152

Có 611

5) Xác định trị giá vật liệu xuất để sản xuất trên tài khoản 621

Nợ 621

Có 611



6) Tập hợp lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ trên tài khoản 622, 627. Cuối kỳ kết chuyển chi phí để tính giá thành

Nợ 631

Có 621

Có 622

Có 627

7) Cuối kỳ kết chuyển CPSXDD

Nợ 154

Có 631

8) Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho

Nợ 632

Có 631

9) Cuối kỳ kết chuyển trị giá thành phẩm nhập kho

Nợ 155

Có 632

10) Cuối kỳ xác định trị giá thành phẩm xuất bán

Nợ 911

Có 632

#### **4. Đánh giá sản phẩm dở dang:**

##### **4.1 Khái niệm:**

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành, là sản phẩm còn dang dở trên dây truyền sản xuất hay ở các phân xưởng sản xuất, đánh giá

giá trị sản phẩm dở dang là sử dụng các công cụ kế toán (được thực hiện bằng các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang) để xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kì tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang.

#### 4.2 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang:

Có 3 phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang:

- Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.
- Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.
- Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch.

##### a/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính (NVL trực tiếp)

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho các DN sản xuất mà trong cơ cấu của giá thành sản phẩm có chi phí NVL chính chiếm tỉ trọng cao hơn 70%.

- Công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí sản xuất} \\
 \text{dở dang cuối kì} = \frac{\text{Chi phí sản xuất} \\
 \text{dở dang đầu kì}}{\text{Khối lượng sản} \\
 \text{Phẩm hoàn thành}} + \frac{\text{Chi phí phát sinh} \\
 \text{trong kì}}{\text{Khối lượng sản} \\
 \text{Phẩm dở dang}} \times \text{Khối lượng sản} \\
 \text{Phẩm dở dang}
 \end{array}$$

##### b/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương:

- Đối tượng áp dụng: phù hợp với hầu hết các doanh nghiệp nhưng phải xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Công thức:

Chi phí vật liệu trực tiếp dở dang cuối kì	=	CP vật liệu trực tiếp dở dang đầu kì	+	CP vật liệu trực tiếp phát sinh trong kì	×	Số lượng sản phẩm dở dang
		Số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho	+	Số lượng sản phẩm dở dang cuối kì		
Chi phí nhân công trực tiếp dở dang cuối kì	=	CP nhân công trực tiếp dở dang đầu kì	+	CP nhân công trực tiếp phát sinh trong kì	×	Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương
		Số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho	+	Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương		
Chi phí sản xuất chung dở dang cuối kì	=	CP sản xuất chung trực tiếp dở dang đầu kì	+	CP sản xuất chung trực tiếp phát sinh trong kì	×	Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương
		Số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho	+	Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương		

Chi phí sản xuất dở dang cuối kì	=	Chi phí vật liệu trực tiếp dở dang cuối kì	+	Chi phí nhân công trực tiếp dở dang cuối kì	+	Chi phí sản xuất chung dở dang cuối kì
-------------------------------------	---	--	---	---	---	--

c/ Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch:

- Đối tượng áp dụng: vận dụng phù hợp với doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức.

- Công thức:

Chi phí vật liệu trực tiếp dở dang cuối kì	=	Số lượng sản phẩm dở dang	×	Chi phí vật liệu trực tiếp kế hoạch		
Chi phí chế biến dở dang cuối kì	=	Số lượng sản phẩm dở dang	×	Chi phí chế biến kế hoạch	×	Tỷ lệ hoàn thành sản phẩm dở dang

**5. Tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp:**

**5.1. Khái niệm:**

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là cách thu để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị cho sản phẩm, lao vụ hoàn thành.

**5.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm:**

a/ Phương pháp trực tiếp:

- Đối tượng áp dụng: áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất đơn giản, chỉ sản xuất một hay một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có hoặc không có sản phẩm dở dang.

- Công thức:

Tổng giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành	CP sản xuất dở dang đầu kì	+ CP sản xuất phát sinh	- CP sản xuất dở dang cuối kì	Phế liệu thu hồi (nếu có)
Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm	$\frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}}$			

b/ Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ:

- Đối tượng áp dụng: cho các doanh nghiệp có quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính và phụ (sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành)

- Công thức:

$\Sigma$ giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành	CP Sản xuất DDĐK	+ CP sản xuất phát sinh	- CP sản xuất DDCK	Giá trị SP phụ thu được	Phế liệu thu hồi
--	------------------	-------------------------	--------------------	-------------------------	------------------

c/ Phương pháp hệ số:

- Đối tượng áp dụng: cho những doanh nghiệp có cùng quy trình sản xuất tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm chính và không thể tổ chức theo dõi chi tiết từng loại sản phẩm.

- Công thức:

➤ Bước 1: quy đổi các sản phẩm ra sản phẩm hệ số

Số lượng sản phẩm hệ số từng loại	=	Số lượng từng loại sản phẩm	×	Hệ số tính giá thành từng loại SP
--------------------------------------	---	-----------------------------	---	--------------------------------------

➤ Bước 2: xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kì.

➤ Bước 3: Tính tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm hoàn thành.

$\Sigma$ giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành	=	CP sản xuất dở dang đầu kì	+	CP sản xuất phát sinh	-	CP sản xuất dở dang cuối kì	Phế liệu thu hồi (nếu có)
---	---	----------------------------------	---	--------------------------	---	-----------------------------------	---------------------------------

➤ Bước 4: Tính giá thành đơn vị sản phẩm hệ số.

Giá thành đơn vị sản phẩm hệ số	=	$\frac{\text{Tổng giá thành thực tế các loại sản phẩm hoàn thành}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm hệ số từng loại}}$
------------------------------------	---	--

➤ Bước 5: Tính tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm.

$\Sigma$ giá thành thực tế từng loại sản phẩm	=	Giá thành đơn vị sản phẩm hệ số	×	Số lượng sản phẩm hệ số từng loại
--	---	------------------------------------	---	--------------------------------------

➤ Bước 6: Tính giá thành đơn vị từng loại sản phẩm.

Giá thành đơn vị từng loại sản phẩm	=	<u>Tổng giá thành thực tế từng loại sản phẩm</u> Khối lượng sản phẩm thực tế từng loại sản phẩm
---	---	---

## PHẦN 2

**Thực Trạng Về Kế Toán**

**Tập Hợp Chi Phí Sản Xuất**

**Và Tính Giá Thành Sản Phẩm**

**Tại Công Ty TNHH Tiến Nhi**

## **A/ GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH TIẾN NHI:**

### **1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Tiến Nhi:**

#### **1. 1. Giới thiệu về công ty:**

- Tên Công ty: CÔNG TY TNHH TIẾN NHI
- Tên Công ty viết bằng tiếng anh: TN CO., LTD
- Văn phòng đại diện: R4-54, Hưng Gia 5, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q7, TP HCM
- Địa chỉ trụ sở chính: 651, QL 1A, KP Thủ Tửu 1, P. Tân Khánh, Tân An, Long An
- Vốn điều lệ 50.000.000.000
- Mã số thuế: 0302481726
- Tên tổ chức, cá nhân nộp thuế: CÔNG TY TNHH TIẾN NHI
- Số đăng ký kinh doanh: 5302281384



- Ngày đăng ký thuế: 04/05/2005

## **1. 2. Lịch sử hình thành:**

Nước ta là một quốc gia phát triển và tiến lên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa, thực hiện đổi mới nền kinh tế. Bên cạnh đó nhu cầu chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện. Sống trong đất nước phát triển nhu cầu của người dân ngày càng đa dạng, phong phú chọn những bộ trang phục cũng là vấn đề quan trọng. Quần áo không chỉ là trang phục mà đó còn là thời trang, phong cách góp phần thể hiện vẻ đẹp tao nhã, duyên dáng cho người tiêu dùng.

Để đáp ứng nhu cầu đó thì ngày 05/2004 Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiến Nhi ra đời nhưng đến ngày 05/2005 mới đi vào hoạt động.

## **1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty:**

### a/ Chức năng:

- Sản xuất các sản phẩm từ đá Granite và Marble: tấm ốp lát, phiến đá, tác phẩm thủ công nghệ, tượng điêu khắc, ...

- Sản xuất ra các sản phẩm xay nghiền từ đá, khoáng chất, bột đá  $\text{CaCO}_3$

- Sửa chữa nhà ở và trang trí nội thất

- Thành lập các kho hàng, chi nhánh kinh doanh, trung tâm mua bán sản phẩm tại khắp các tỉnh thành cả nước.

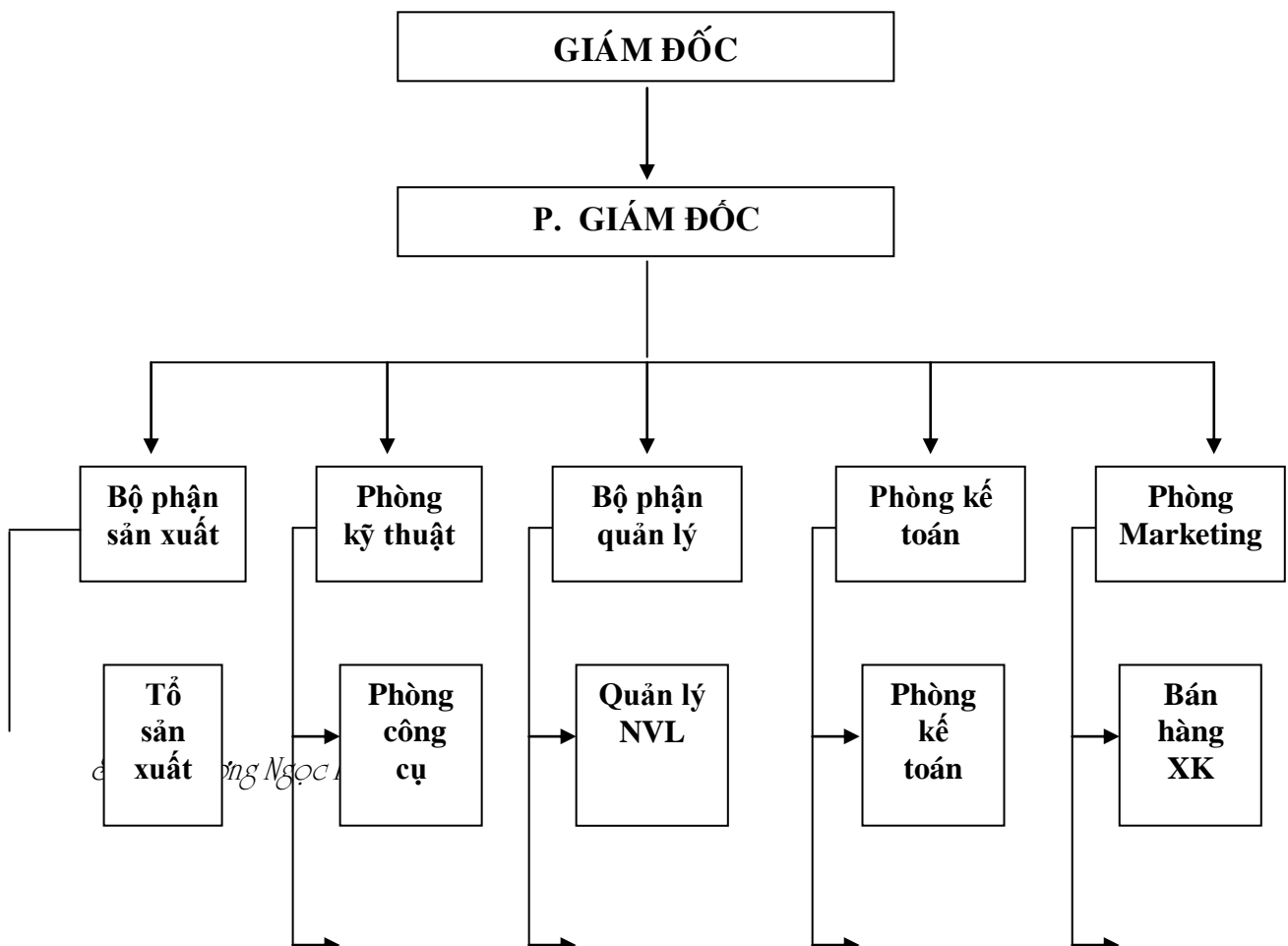
- Thúc đẩy sức sản phẩm sản xuất từ Công ty ra thị trường nước ngoài, thực thi chính sách hướng đến xuất khẩu sản phẩm của Công ty ra thị trường thế giới.

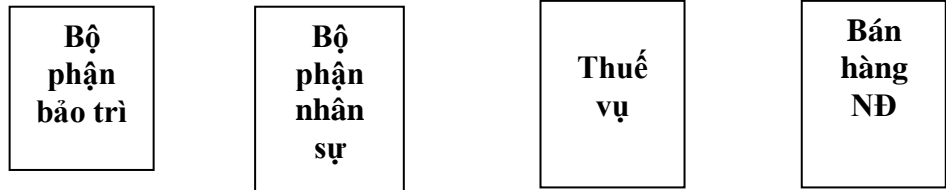
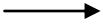
**b/ Nhiệm vụ:**

- Nâng cao nội lực và tăng cường ưu thế cạnh tranh.
- Nâng cao các yếu tố chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm.
- Giảm giá thành sản phẩm.
- Thiết lập và nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối.
- Quản lý các quan hệ khách hàng
- Quản lý kế hoạch sản xuất.
- Thị trường kinh doanh qua mạng.
- Thiết lập và nâng cao hiệu quả hệ thống Marketing.
- Tuân thủ các chính sách về chế độ quản lý kinh tế của nhà nước, báo cáo trung thực chế độ kinh tế thống kê do nhà nước quy định.

**2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy kế toán:**

**2.1 Sơ đồ tổ chức Công ty:**





- Công ty có 50 nhân viên văn phòng và 300 công nhân, tất cả đều chịu sự quản lý của Giám Đốc.

- Với bộ máy tổ chức gọn nhẹ, mỗi phòng ban đều là người giàu kinh nghiệm, được đào tạo theo từng chuyên ngành riêng biệt phù hợp với từng chức vụ trong Công ty, nhân viên từng phòng đều chịu sự chỉ đạo duy nhất, trực tiếp từ cấp chỉ huy của mình.

- Đội ngũ nhân viên của Công ty đều là những người có trình độ đại học, có tính sáng tạo.

## 2.2. Chức năng của các phòng ban:

a/ Giám đốc: Là người đứng đầu Công ty do sự ủy nhiệm của các cổ đông, đứng ra điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm mọi việc về hành chính, quản lý xưởng

b/ Phó giám đốc: là người phụ trách công tác kỹ thuật chất lượng, đào tạo, đại diện lãnh đạo về chất lượng, môi trường, trách nhiệm xã hội, an toàn và sức khỏe. Thay mặt giám đốc điều hành, giải quyết mọi công việc khi Giám Đốc đi vắng. Chịu trách nhiệm trước Giám Đốc và pháp luật về các quyết định của mình.

c/ Bộ phận quản lý:

- Phòng nhân sự: chức năng quản lý nhân sự đồng thực hiện khâu xét tuyển nhân viên, công nhân, huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn.

- Theo dõi tình hình thực hiện nội quy lao động của công nhân viên, đảm bảo chế độ lương hưởng hợp lý, chăm lo về mặt sức khỏe, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân viên an tâm công tác.

- Phòng quản lý nguyên vật liệu: chịu trách nhiệm quản lý theo dõi tình hình nguyên vật liệu của Công ty.

d/ Phòng kỹ thuật:

- Phòng công cụ, dụng cụ: chịu trách nhiệm quản lý và theo dõi hệ thống công cụ, dụng cụ toàn bộ của Công ty.

- Bộ phận bảo trì: chịu trách nhiệm quản lý và bảo hành các dụng cụ, máy móc trong Công ty.

e/ Phòng kế toán:

- Đảm bảo chức năng quản lý về mặt tài chính cho Công ty; cân đối các khoản lãi, lỗ góp phần thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Hỗ trợ cơ quan kiểm toán trong công tác kiểm toán nhằm đảm bảo sự chính xác báo cáo tài chính và sự an toàn cho tài sản của Công ty.

- Ngoài ra còn có kế toán tính giá thành sản phẩm, tính lương công nhân viên. Chịu trách nhiệm về mọi vấn đề về nghiệp vụ tài chính của Công ty trước Ban giám đốc và quản lý hệ thống sổ sách kế toán trong Công ty. Tham mưu cho giám đốc về việc sử dụng vốn kinh doanh và nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả.

- Phòng thuế vụ: xem xét quản lý, chịu trách nhiệm trước cơ quan thuế về mọi vấn đề của Công ty.

f/ Phòng sản xuất:

Chịu trách nhiệm quản lý và sản xuất ra các loại sản phẩm đạt chất lượng và đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

g/ Phòng Marketing:

Là bộ phận giao dịch trực tiếp với khách hàng, nhận thông tin từ phía khách hàng, thương lượng giá, nhận đơn đặt hàng và thông báo cho các bộ phận khác về đơn đặt hàng, theo dõi đơn hàng, quản lý các dữ liệu về khách hàng, dữ liệu về sản xuất.

### **3. Hình tổ chức bộ máy kế toán:**

#### **3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán:**

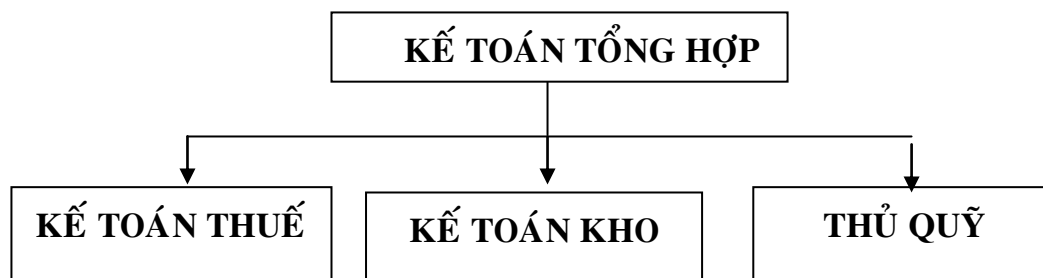
Việc lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán có vai trò quan trọng đối với mọi Công ty. Vì nó quản lý và điều hành mọi công tác kế toán, hạch toán của Công ty. Xuất phát từ đặc điểm cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, điều kiện trình độ quản lý hình thức tổ chức công tác kế toán được vận dụng ở đơn vị là hình thức kế toán tập trung, toàn bộ công việc kế toán được xử lý ở phòng kế toán của Công ty.

#### **3.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

- Tuân thủ theo các chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12.

Tuy là Công ty mới thành lập và có quy mô nhỏ nhưng dưới sự đa dạng hóa của hàng hóa, sản phẩm nên hệ thống tài khoản của Công ty sử dụng vẫn theo hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006\_QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

### 3.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty:



### 3. 4. Nhiệm vụ của từng bộ phận:

a/ Nhiệm vụ:

♣

Kế

toán trưởng:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán tại Công ty.
- Hướng dẫn chỉ đạo mọi công tác ghi chép, là người chịu trách nhiệm cao nhất trong phòng kế toán.
- Có nhiệm vụ quản lý điều hành bộ máy kế toán, tiếp nhận chứng từ từ cấp trên xử lý ban đầu, sau đó phân công công việc cho các kiểm toán viên, kiểm tra lại kết quả đảm bảo chính xác, đầy đủ theo yêu cầu của kế toán, lưu trữ chứng từ sổ sách, lập báo cáo tháng, làm quyết toán năm và thực hiện nghĩa vụ với cơ quan thuế.



Kế

toán tổng hợp:

- Trợ giúp kế toán trưởng trong lĩnh vực tài chính kế toán.
- Có nhiệm vụ giúp kế toán trưởng điều hành và quản lý bộ máy kế toán. Thay mặt kế toán trưởng giải quyết một số công việc khi kế toán trưởng đi vắng, thu thập kiểm tra các bản kê đã nộp, phổ biến và hướng dẫn các văn bản chế độ tài chính kế toán, ghi chép tổng hợp phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Kế

toán kho:

Kiểm tra các chứng từ xuất, nhập kho. Theo dõi đơn đốc và đối chiếu hàng hóa tồn kho, hàng tháng đối chiếu sổ sách với kho về hàng tồn kho, có trách nhiệm kiểm kê kho vào cuối mỗi quý.



Thủ

quỹ:

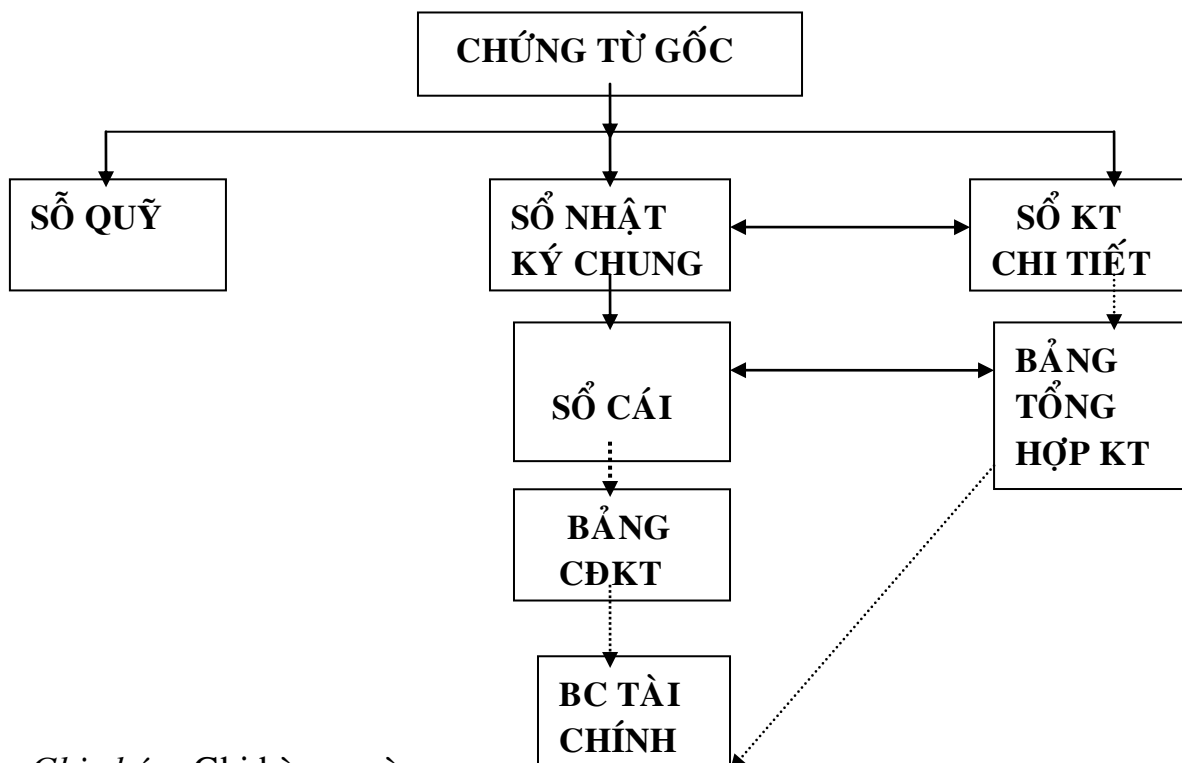
Có nhiệm vụ quản lý tiền mặt, theo dõi các khoản thu – chi, căn cứ vào chứng từ thu – chi hợp lệ để ghi vào sổ sách và bảo quản tiền mặt theo đúng quy định của pháp luật.

b/ Hệ thống sổ sách tại Công ty:

- Nhật ký chung.
- Nhật ký sổ cái.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Công ty áp dụng hình thức kế toán là sổ nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ mà trọng tâm là sổ nhật ký chung. Theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ, sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán:



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng .....→

Đối chiếu ↔



Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu số khớp với các số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

#### **4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty về phương hướng phát triển:**

##### **4.1. Thuận lợi:**

- Nhìn chung Công ty có đội ngũ công nhân viên có năng lực, nhiệt tình, trình độ chuyên môn cao.
- Đồng thời Công ty không ngừng phát huy cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng.
- Tuy là Công ty mới thành lập nhưng đã tạo được uy tín và thế đứng trên thương trường. Đó là điều mà bất kỳ một Công ty, doanh nghiệp nào cũng luôn hướng tới.

##### **4.2. Khó khăn:**

- Hiện nay do khủng hoảng kinh tế ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam cũng bị ảnh hưởng. Vì vậy mà các Công ty, doanh nghiệp nào cũng khó khăn thử thách.

- Do là Công ty mới thành lập nên bộ máy tổ chức chưa ổn định. Những quy chế điều lệ của Công ty chưa soạn thảo kỹ.

- Thêm vào đó, giá cả nguyên vật liệu không ngừng tăng cao cũng ảnh hưởng một phần không nhỏ.

#### **4.3. Phương hướng hoạt động trong thời gian tới**

- Tích cực mở rộng thị trường.
- Cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm đa dạng hóa hàng hóa.
- Tăng cường mở rộng nguồn vốn kinh doanh.

## **B/ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH TIẾN NHI:**

### **1. Tổng quát về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Tiến Nhi:**

#### **1. 1. Phân loại chi phí sản xuất tại công ty :**

Phân loại chi phí sản xuất là nội dung quan trọng cần phải thực hiện nhằm phục vụ cho việc theo dõi, tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm và kiểm soát chặt chẽ các loại chi phí sản xuất phát sinh.

Chính vì lí do đó, công ty chọn cách phân loại chi phí theo công dụng. Theo cách phân loại này thì chi phí sản xuất phát sinh căn cứ vào địa điểm nơi phát sinh, nơi chịu chi phí để sắp xếp ra thành các khoản mục:

- ♣ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là chi phí các loại nguyên vật liệu trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm.

- ♣ Chi phí nhân công trực tiếp: là các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm.

- ♣ Chi phí sản xuất chung: bao gồm các chi phí phát sinh tại phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất.

- ♣ Chi phí bán hàng: đây là khoản mục cho bộ phận bán hàng.

- ♣ Chi phí quản lý doanh nghiệp: gồm các chi phí cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- ♣ Chi phí khác: gồm tất cả các chi phí còn lại.

## **1. 2. Đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm:**

-Xuất phát từ đặc điểm của quá trình sản xuất các loại sản phẩm của công ty là sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau nhưng đều sử dụng chung một loại nguyên liệu nên các sản phẩm sẽ được phân loại theo đơn đặt hàng của khách hàng.

## **1. 3. Kỳ tính giá thành tại công ty:**

Do chu kỳ sản xuất các sản phẩm tại công ty ngắn hạn nên kỳ tính giá thành là thời điểm mà sản phẩm hoàn thành nhập kho. Thời điểm tính

giá thành tại công ty thường là vào cuối tháng, sau khi kế toán đã tổng hợp số liệu phát sinh trong tháng và đã phân bổ những chi phí chung phát sinh trong kỳ.

## 2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty TNHH Tiến Nhi:

### 2. 1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

#### a/ Các loại nguyên vật liệu chủ yếu tại công ty:

- ♣ Nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm đá Granite ở nhà máy là đá khối được nhập khẩu hoặc được khai thác tại các mỏ đá như mỏ đá ở Khánh Hòa, Phan Rang, Ninh Thuận.

- ♣ Nguyên vật liệu phụ là các loại vật liệu khi dùng kết hợp với vật liệu chính tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu phụ phần lớn là mua ngoài.

#### b/ Đánh giá NVL nhập và xuất tại công ty:

- ♣ Nhập NVL: trong việc đánh giá vật liệu nhập ,công ty chọn phương pháp đánh giá theo giá thực tế (giá được xác định bởi các chứng từ hợp lệ và các chi phí hợp pháp theo qui định)

- ♣ Xuất NVL: đối với việc xuất vật liệu dùng cho sản xuất, công ty chọn phương pháp bình quân gia quyền.

	<del>Trị giá VL tồn đầu kì + Trị giá VL nhập</del>
	trong kì
Đơn giá xuất	=
	Sản lượng VL tồn đầu kì + Sản lượng VL nhập
	trong kì

$$\text{Trị giá VL xuất dùng} = \text{Đơn giá xuất} \times \text{Sản lượng Vật Liệu dùng}$$

c/ Nguyên tắc tập hợp chi phí:

Để tính gĩ tnh một ếch tiện lợi v̄ chính ấc công ty tổ chức hoạch tốn chi phí NVL trực tiếp cho từng Đĩ tượng trực tiếp chịu chi phí.

Bn cạnh đ, kế tốn mở sổ theo đi chi tiết cho từng Đĩ tượng chịu chi phí pht sinh ln quan ến từng loại sản phẩm.

d/ Chứng từ sử dụng:

- Bản kiểm nghiệm đá khối
- Lệnh sản xuất
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê vật tư tiêu hao

e/ Sổ sách sử dụng:

Công ty thực hiện hạch toán trực tiếp trên máy tính cho nên các sổ ch tiết của tất cả tài khoản can theo dõi chi tiết và các sổ tổng hợp đều được in ra từ máy tính.

- Sổ chi tiết của TK 621
- Sổ cái của TK 621
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 621
- Chứng từ ghi sổ

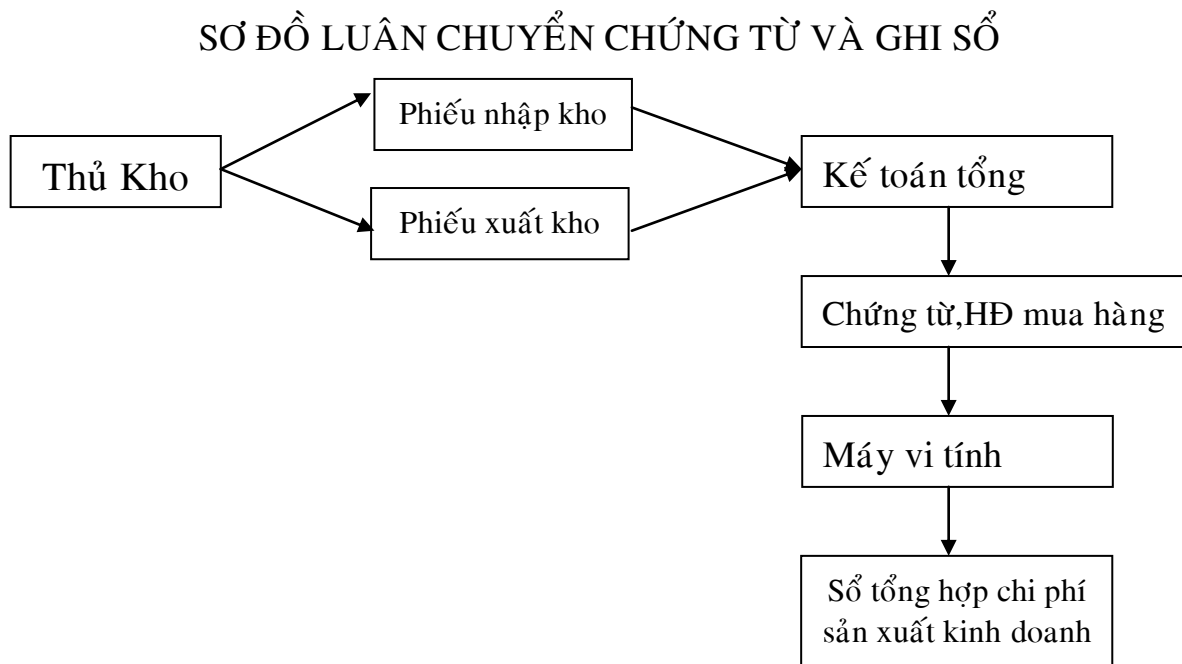
f/ Trình tự ghi sổ:

- Khi nguyên VL về nhập kho, thủ kho căn cứ vào hóa đơn mua hàng và lượng hàng thực tế để lập phiếu nhập kho và sau đó ghi vào thẻ kho.

- Khi xuất nguyên vật liệu để sản xuất, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho do kế toán lập (dựa vào bảng định mức nguyên vật liệu do nhân viên kỹ thuật lập) để xuất nguyên vật liệu và ký vào phiếu xuất.

- Hàng ngày, kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chi tiền hoặc sổ nhật ký chung

- Kế toán căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất và sổ nhật ký để ghi vào sổ cái, sổ chi tiết nguyên vật liệu và sổ chi phí sản xuất kinh doanh để tập hợp chi phí nguyên vật liệu.



g/ Tài khoản sử dụng:

SVTT: Trương Ngọc Hạnh

Để công tác tổ chức quản lý CPNVL theo qui định hiện hành, kế toán của công ty sử dụng các tài khoản:

♣ TK 621: “nguyên vật liệu trực tiếp”

Trong đó:

-6211: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bộ phận cửa

-6212: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bộ phận mài

♣ TK 1521: đá vôi

♣ TK 1522: vật tư

h/ Trình tự hạch toán:

Trị giá nguyên vật liệu xuất theo đơn giá bình quân	=	Giá trị nguyên vật liệu tồn đầu kì	+	Giá trị nguyên vật liệu nhập trong kì
		Số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kì	+	Số lượng nguyên vật liệu nhập trong kì

Tình hình công ty phát sinh như sau:

❖ Nguyên vật liệu chính:

▪ Căn cứ hóa đơn số 0002618 ngày 01/ 07/ 2010 và phiếu nhập kho số 01/07. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ 1521: 498.908.001

Nợ 1331: 49.890.800

Có 336: 548.798.801

Vì đá khối được chuyển từ công ty về nhà máy để sản xuất nên ghi nhận vào Tài khoản 336: “các khoản phải trả nội bộ”

▪ Căn cứ vào lệnh sản xuất số 01/07 do anh Quy yêu cầu, thủ kho lập phiếu xuất kho, và tính đơn giá bình quân xuất kho các mặt hàng:

- Giá trị đá xanh Hassan: căn cứ bảng kê khai nhập xuất tồn Nguyên vật liệu chính ta có đầu kỳ là 140.132.062 với số lượng 22.050 m<sup>3</sup>, giá trị

nhập kho trong tháng 07/2010 là 75.925.044 với số lượng 5m<sup>3</sup>. Vậy đơn giá xuất kho của đá xanh Hassan là:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{140.132.062 + 75.925.044}{22.050 + 5.000} = 7.987.324 \text{ đ/m}^3$$

- Giá trị đá đen ngọc: căn cứ bảng kê xuất nhập tồn NVL chính, ta có đầu kì là 43.908.224 với số lượng 6.760 m<sup>3</sup>, và không có giá trị nhập nên đơn giá xuất kho đá đen ngọc là

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân xuất kho} \end{array} = \frac{43.908.224 + 0}{6.760 + 0} = 6.495.299,408 \text{ đ/m}^3$$

- Giá trị đá nhỏ Ruby bông lớn: tồn đầu kì là 29.390.286 với số lượng là 3.150 m<sup>3</sup>, nhập trong kì là 403.219.369 với số lượng là 31.496 m<sup>3</sup>.

Vậy:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân xuất kho} \end{array} = \frac{29.390.286 + 403.219.369}{3.150 + 31.496} = 12.486.431,56 \text{ đ/m}^3$$

- Giá trị đá Đỏ hồng đào: tồn đầu kì 136.982.795 với số lượng là 21.089 m<sup>3</sup>, trong kì không có nhập. Vậy:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân xuất kho} \end{array} = \frac{136.982.795 + 0}{21.089 + 0} = 6.495.292,609 \text{ đ/m}^3$$

Nguyên vật liệu chính được nhập nhiều lần trong tháng. Cuối mỗi tháng



kế toán tổng hợp theo dõi tình hình nhập xuất tồn NVL qua các phiếu nhập kho sau đó lên bảng kê khai nhập xuất tồn NVL chính.

Cuối tháng căn cứ vào phiếu nhập kho và phiếu xuất kho kế toán lên bảng nhập xuất tồn. Sau đó nhập vào sổ cái. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ 6211: 576.687.284

Có 1521: 576.687.284

Trong đó sổ chi tiết NVL TT cho bộ phận cửa 6211 như sau:

▪ Đá xanh Hassan xuất:

Nợ 6211:  $22.050 \text{ m}^3 \times 7.987.324 = 176.120.488$

Có 1521: 176.120.488

▪ Đá đen ngọc xuất:

Nợ 6211:  $6.760 \text{ m}^3 \times 6.495.299,408 = 43.908.224$

Có 1521: 43.908.224

▪ Đá đỏ Ruby bông lớn xuất:

Nợ 6211:  $19.682 \text{ m}^3 \times 12.486.431,56 = 245.757.946$

Có 1521: 245.757.946

▪ Đá đỏ hồng đào xuất:

Nợ 6211:  $17.074 \text{ m}^3 \times 6.495.292,609 = 110.900.626$

Có 1521: 110.900.626

**HOÁ ĐƠN**

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2 : Giao cho người mua

Ngày... tháng... năm 2010

Mẫu số: 01/GTKT3/001  
Ký hiệu: 03DM/10P  
Số: 0002618


**CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐIỆN XỬ LÝ  
Mã số thuế: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]  
Địa chỉ: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]  
Điện thoại: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]  
Số tài khoản: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

Họ tên người mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐIỆN XỬ LÝ  
Tên đơn vị: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]  
Mã số thuế: 03 6248732 6 0101  
Địa chỉ: 14/52 Hẻm Gạo B. - Phường Bình Hưng - Quận 8  
Số tài khoản: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

ST	Tên hàng   c.s. dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Đá Granite đơn thể h. 1.1m x 1.1m	3			6 x 4 x 5
	TK 16576 ngày 14/10/2010		5		75.925.044
	TK 5902 ngày 19/01/2010		1.933		
	TK 18500 ngày 05/03/2010		2.016		19.763.588

Đơn vị: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ: \_\_\_\_\_



## PHIẾU XUẤT KHO

Mẫu số: 02-VT  
 Ban hành theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/CĐKT  
 Ngày 1 tháng 11 năm 1995  
 của Bộ Tài Chính

Ngày: 31 tháng 7 năm 2010      SỐ: 01-VTD

Họ tên người nhận hàng: Văn Minh Dũng      NỢ: 621  
 Địa chỉ (Bộ phận): \_\_\_\_\_      CÓ: 15.211

Lý do xuất kho: Xuất cho sản xuất

Xuất tại kho: Cty TNHH Tiên Nhi

Số thứ tự	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH PHẨM CHẤT VẬT TƯ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	THÀNH TIỀN
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá khối granite		M <sup>3</sup>		2,205	7.987,32	176.120,48

ĐƠN VỊ: .....  
 ĐỊA CHỈ: .....  
 Ngày ..31.. tháng ..12.. năm 2010

## PHIẾU NHẬP KHO

Mẫu số : 01 - VT  
 QĐ số : 1141-TC/QĐ/CĐKT  
 Ngày 1-11-1995 Bộ Tài Chính  
 Nợ : 1.521 , 1.3.31  
 Có : 3.3.6

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Bá Thu  
 Theo: ..... số ..... Ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Của: .....  
 Nhập tại kho : Cty TNHH Tuấn Chi

Số TT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH PHẠM CHẤT VẬT TƯ (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	THÀNH TIỀN
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Đá khối đỏ Ruby bóng lớn		m <sup>3</sup>		81,495	12.802.240	403.219.369
2.	Đá khối Xả Cú Xanh		m <sup>3</sup>		2,933	6.738.352	19.763.588
3.	Đá khối Xanh Hassan		m <sup>3</sup>		5,000	15.185.008	75.925.044

CTY TNHH TIỀN NHI

651QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST : 030284126

LỆNH SẢN XUẤT

Số 01/7

Họ tên người yêu cầu: Nguyễn Quang Quý

Bộ phận

Yêu cầu :

STT	Loại	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Đá Đen Ngọc	m3	6.760			
2	Xanh Hassan	m4	22.050			
3	Đá Đỏ Ruby Bông Lớn	m5	19.682			
4	Đỏ Hồng Đào	m6	17.074			
	<b>Tổng cộng</b>		<b>65.5655</b>			

14

T - TỶ NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH

NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TỶ CUỐI KỲ	
SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
				29.510	217,298,671
				4.945	7,417,500
				21.089	136,982,795
				2.467	18,561,896
		6.760	43,908,224	-	-
5	75,925,044	22.050	176,120,488	5.000	39,936,618
				6.683	62,349,392
				40.190	297,482,282
				2.933	19,763,588
6	403,219,369	19.682	245,757,946	14.964	186,851,709
				14.705	22,282,594
		17.074	110,900,626	4.015	26,082,169
7	498,908,001	65.566	576,687,284	146.501	1,035,009,214

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Người lập biểu

Kế toán Trưởng

*[Handwritten signature]*  
 Võ Ngọc Lợi

*[Handwritten signature]*  
 Nguyễn Thị Hoa

13

1

❖ Nguyên vật liệu phụ:

- NVL phụ của giai đoạn cửa: hạt thép, vôi bột, lưới cửa, nhớt
- NVL phụ của giai đoạn mài: gồm mài

Cuối tháng thủ kho gửi cho kế toán tổng hợp bảng kê vật tư tiêu hao, căn cứ vào đó để tính giá thành sản phẩm.

Sau khi đối chiếu kế toán tổng hợp NVL xuất dùng trong tháng đến cuối tháng lại lên bảng kê khai nhập xuất tồn NVL phụ, biết được giá trị vật liệu đầu kì, nhập trong kì, tính đơn giá xuất cũng như vật liệu chính, sau đó biết được giá trị xuất trong kì, từ đó căn cứ nhập số liệu sổ chi tiết.

▪ Giai đoạn cửa:

Nợ 6211: 66.251.616

Có 1522: 66.251.616

Trong đó: Nhớt 50 có giá trị đầu kì là 889.474 với số lượng là 25 lít, không có giá trị nhập, nên:

$$\text{Đơn giá bình quân xuất kho} = \frac{889.474}{25} = 35.578,96 \text{ đ/m}^3$$

▪ Giai đoạn mài:

Nợ 6212: 67.511.405

Có 1522: 67.511.405

Trong đó: gồm mài 14 có giá trị xuất là 5.856.381 với số lượng là 734 viên.

Tổng cộng NVL phụ giai đoạn cửa và mài là:

$$133.763.020 = 66.251.616 + 67.511.405$$

Từ các phát sinh trong tháng 07, kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp bằng cách tiến hành nhập liệu vào máy. Các số liệu sẽ được chương trình



tự động chuyển sang phân hệ kế toán tổng hợp để vào các sổ sách kế toán của TK 621 như: sổ chứng từ ghi sổ, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản.

❖ Tập hợp toàn bộ chi phí NVL trực tiếp tháng 07 như sau:

➤ Nợ 6211: 642.938.900

Có 1521: 576.687.284

Có 1522: 66.251.616

➤ Nợ 6212: 67.511.405

Có 1522: 67.511.405

CTY TNHH TIỀN NHI  
651QL1A, KP Thủ Tầu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An  
MST : 030284126

**BẢNG KÊ VẬT TƯ TIÊU HAO THÁNG 7 NĂM 2010**

STT	Vật tư tiêu hao	Đvt	Xuất trong kỳ			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
<b>Vật tư cưa</b>						
1	Hạt thép	Kg	3,337	11,489	38,335,892	
2	Lưỡi cưa GS	Kg	1,716	15,426	26,470,959	
3	Nhớt 50	Lít	25	35,579	889,474	
4	Nhớt 68	Lít	23	24,032	555,291	
<b>Cộng</b>			<b>5,101</b>		<b>66,251,616</b>	
<b>Vật tư mài</b>						
1	Gôm mài #14	Viên	734	7,982	5,856,381	
2	Gôm mài #16	Viên	759	7,607	5,773,145	
3	Gôm mài #24	Viên	430	7,515	3,232,053	
4	Gôm mài #36	Viên	506	1,563	3,826,863	
5	Gôm mài #60	Viên	405	7,509	3,039,344	
6	Gôm mài #120	Viên	253	7,581	1,917,988	
7	Gôm mài #220	Viên	228	7,444	1,694,987	
8	Gôm mài #400	Viên	126	7,921	1,001,960	
9	Gôm mài #800	Viên	177	7,050	1,248,489	
10	Segment	Viên	1,586	25,174	39,920,195	
<b>Cộng</b>			<b>5,204</b>		<b>67,511,405</b>	
			<b>10,305</b>		<b>133,763,021</b>	



15

**T - TỐN NGUYÊN VẬT LIỆU PHỤ**

HÀNH	NHẬP TRONG KỲ		XUẤT TRONG KỲ		TỐN CUỐI KỲ	
	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
078			3,337	38,335,892	222,633	2,557,825,186
243			1,716	26,470,959	57,618	888,795,284
474			25	889,474	-	-
083			23	555,291	1	30,792
878	-	-	5,101	66,251,616	280,253	3,446,651,262
994			734	5,856,381	9,612	76,731,613
145			759	5,773,145	-	-
224			430	3,232,053	5,853	43,986,171
205			506	3,826,863	2,327	17,599,342
393			405	3,039,344	3,419	25,677,049
806			253	1,917,988	6,547	49,634,818
125			228	1,694,987	6,718	50,016,138
741			126	1,001,960	7,577	60,012,781
118			177	1,248,489	2,374	16,738,629
088			1,586	39,920,195	8,614	216,845,893
837	-	-	5,204	67,511,405	53,043	557,242,432
715	-	-	10,305	133,763,020	333,296	4,003,893,695

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán Trưởng

*Handwritten signatures and names:*  
 [Signature]  
 Nguyễn Thị Thảo  
 [Signature]  
 Võ Ngọc Tiến

CTY TNHH TIẾN NHÌ

651QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST: 030284126

**CHỨNG TỪ GHI SỔ số :**

15

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Số C/Từ	Số HĐ	Ngày tháng	Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
PX01/7		02/07/2010	Xuất đá Đen Ngọc	6211	1521	43,908,224	
PX02/7		02/07/2010	Hạt thép	6211	1522	38,335,892	
PX03/7		05/07/2010	Xuất đá Xanh Hassan	6211	1521	176,120,488	
PX04/7		05/07/2010	Lưỡi cưa GS	6211	1522	26,470,959	
PX05/7		06/07/2010	Xuất đá Đỏ Ruby Bông Lớn	6211	1521	245,757,946	
PX06/7		06/07/2010	Nhót 50	6211	1522	889,474	
PX07/7		20/07/2010	Xuất đá Hồng Đào	6211	1521	110,900,626	
PX08/7		20/07/2010	Nhót 68	6211	1522	555,291	
			CỘNG			642,938,900	



CTY TNHH TIẾN NHI

651QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST : 030284126

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 07 năm 2010

Tài khoản 621

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tài khoản chi tiết : 6211

Chi phí NVL trực tiếp bộ phận cơ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số Hiệu	Ngày			TK Nợ	TK Có
	Tồn đầu kỳ :				-	-
31/7/2010	PX 01/07	31/7/2010	Xuất đá Đen ngọc	1521	43,908,224	
31/7/2010	PX 02/07	31/7/2010	Hạt thép	1522	38,335,892	
31/7/2010	PX 03/08	31/7/2010	Xuất đá Xanh Hassan	1521	176,120,488	
31/7/2010	PX 04/09	31/7/2010	Lưỡi cưa GS	1522	26,470,959	
31/7/2010	PX 05/10	31/7/2010	Xuất đá đỏ Ruby Bông lớn	1521	245,757,946	
31/7/2010	PX 06/11	31/7/2010	Nhót 50	1522	889,474	
31/7/2010	PX 07/12	31/7/2010	Xuất đá Hồng Đào	1521	110,900,626	
31/7/2010	PX 08/13	31/7/2010	Nhót 68	1522	555,291	
31/7/2010		31/7/2010	K/c sang 1541	1541		642,938,900

**LÊN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

i	Tổng số tiền	Chi nợ tài khoản :621				
		6211	6212	6213	6214	6215
1	576,687,284	576,687,284				
2	133,763,021	66,251,616	67,511,405			
	710,450,305	642,938,900	67,511,405	-	-	-

  
 Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Giám đốc  
 TRẦN NHÌ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN NHI

PLACEPASCAL DANIEL

## **2.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp:**

Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương, tiền phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

### **a/ Chứng từ sử dụng:**

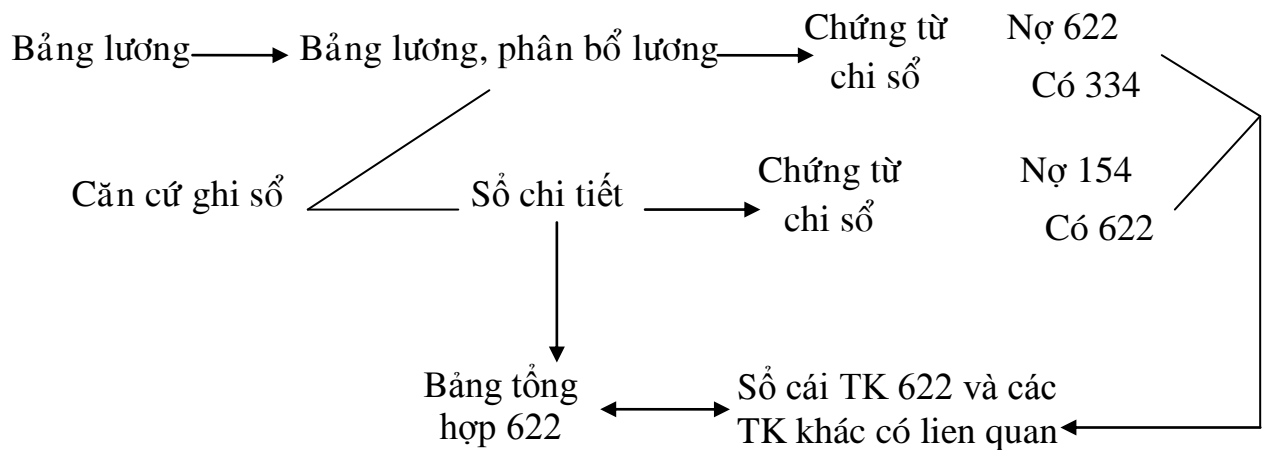
- Bảng chấm công.
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội.

### **b/ Sổ sách sử dụng:**

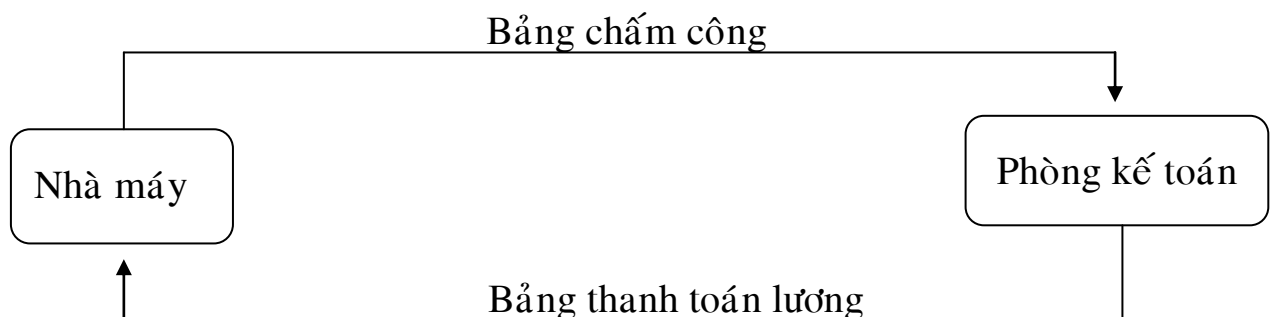
- Sổ cái của TK 622.

- Sổ chi tiết của TK 622 .
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 622.

c/ Trình tự ghi sổ:



SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ





- Lương của công nhân trực tiếp sản xuất được trả theo hình thức: lương theo thời gian làm việc, áp dụng trả lương 1 lần vào ngày 5 của tháng tiếp theo.

- Căn cứ vào bảng chấm công của nhà máy gửi về công ty, thủ quỹ kiêm kế toán lập bảng tính lương cho nhân viên.

- Sau khi kiểm tra chứng từ thủ quỹ kiêm kế toán tiến hành tính lương và các khoản phải trả cho cán bộ công nhân viên để ghi vào bảng thanh toán tiền lương.

- Từ bảng thanh toán tiền lương phòng kế toán sẽ lập bảng tổng hợp lương. Sau đó tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định của nhà nước.

- Ngoài ra còn có phiếu tạm ứng do nhân viên ứng trước tiền lương để dùng vào việc riêng. Cuối mỗi tháng thủ quỹ xuất phiếu thanh toán tạm ứng và trừ vào tiền lương được lĩnh.

- Căn cứ vào bảng lương kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương. Từ đó lên chứng từ ghi sổ và hạch toán tiền lương phải trả tính giá thành sản phẩm.

- Căn cứ vào cuối tháng nhà máy gửi bảng chấm công về phòng kế toán của công ty cho thủ quỹ kiêm kế toán tiền tính lương công nhân viên nhà máy và trình giám đốc ký duyệt và gửi bảng lương cùng 1 phiếu chi cho giám đốc nhà máy.

#### d/ Tài khoản sử dụng:

Để phù hợp với tình hình thực tế của nhà máy kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 622: chi phí nhân công trực tiếp

- TK 6221: chi phí nhân công trực tiếp của bộ phận cửa.
- TK 6222: chi phí nhân công trực tiếp của bộ phận mài.

e/ Trình tự hạch toán:

Nguyên tắc tính lương: công ty tính lương cho nhân viên hay công nhân dựa vào công thực tế làm việc và theo dõi trên bảng chấm công, như:

- Căn cứ vào bảng chấm công tháng 07/2010 thì tiền lương anh Thời được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{của anh Thời} \end{array} = \frac{2.200.000}{27} \times 26,5 = 2.159.259 \text{ đ}$$

Với lương cơ bản 1.200.000 + trách nhiệm 500.000 + phụ cấp là 500.000 = 2.200.000; ngày công thực tế là 27; ngày công anh Quy là 26,5

- Căn cứ vào bảng lương và bảng phân bổ tiền lương tháng 07/2010 của công nhân trực tiếp sản xuất của bộ phận tô cửa và mài. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ 6221: 7.096.296

Nợ 6222: 7.625.185

Có 334: 14.721.481

Đồng thời kế toán tiến hành trích BHXH 16%, BHYT 3%, KPCĐ 2%, BHTN 1% theo tỷ lệ quy định vào chi phí theo:

$$\text{Lương cơ bản } 5.000.000 + \text{TN } 500.000 + \text{PC } 2.220.000 = 7.720.000$$

❖ Kế toán hạch toán như sau:

*SVTT: Trương Ngọc Hạnh*

Giai đoạn chừa:

➤ Nợ 6221 : 1.698.400

Có 3382 : 154.400 (7.720.000 \* 2%)

Có 3383 : 1.235.200 (7.720.000 \* 16%)

Có 3384 : 231.600 (7.720.000 \* 3%)

Có 3389 : 77.200 (7.720.000 \* 1%)

Giai đoạn mài:

LươngCB 5.200.000 + thất nghiệp500.000 + Phụ cấp 2.340.000= 8.040.000

➤ Nợ 6222 : 1.768.800

Có 3382 : 160.800 (8.040.000 \* 2%)

Có 3383 : 1.286.400 (8.040.000 \* 16%)

Có 3384 : 241.200 (8.040.000 \* 3%)

Có 3389 : 80.400 (8.040.000 \* 1%)

Cuối tháng kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

**NG VÀ BHXH**

Ghi Có TK 338-phải trả phải nộp khác					
BHXH 16%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCD 2%		
1.424.000	267.000	89.000	178.000		
1.702.400	319.200	106.400	212.800		
2.521.600	472.800	157.600	315.200		
1.235.200	231.600	77.200	154.400		
1.286.400	241.200	80.400	160.800		
5.648.000	1.059.000	353.000	706.000		

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
Người lập phiếu  
*Vũ Ngọc Trinh*

4

**HÁNG 7 NĂM 2010**

	Ngày trong tháng							...	31	Tổng cộng	Ghi chú
	10	11	12	13	14	15	16				
	X	X	X	X	X	X	X		X	27.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	26.5	
	X	X	X	X	X	X	X		X	26.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	27.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	25.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	25.5	
	X	X	X	X	X	X	X		X	26.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	22.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	27.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	27.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	23.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	25.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	27.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	24.5	
	X	X	X	X	X	X	X		X	25.0	
	X	X	X	X	X	X	X		X	25.0	

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Người lập phiếu

Đế toán  
 Nguyễn Thị Hoa

*[Signature]*  
 Võ Thị Thanh

**HÁNG 7 NĂM 2010**

Tổng cộng	Tạm ứng	Trích các khoản BH	Thực lãnh	Ký tên
8,748,148	1,500,000	756,500	6,491,648	
3,700,000	1,000,000	314,500	2,385,500	
2,159,259		187,000	1,972,259	
2,888,889	500,000	255,000	2,133,889	
3,340,741	500,000	292,400	2,548,341	
2,100,000	500,000	178,500	1,421,500	
1,240,741		113,900	1,126,841	
4,100,000	300,000	365,500	3,434,500	
2,077,778		187,000	1,890,778	
2,022,222	300,000	178,500	1,543,722	
7,625,185	500,000	683,400	6,441,785	
1,825,185		190,400	1,634,785	
2,000,000	500,000	170,000	1,330,000	
1,900,000		161,500	1,738,500	
1,900,000		161,500	1,738,500	
7,096,296	1,000,000	656,200	5,440,096	
1,822,963	500,000	181,900	1,141,063	
1,703,704		156,400	1,547,304	
1,900,000		161,500	1,738,500	
1,669,630	500,000	156,400	1,013,230	
2,685,185	500,000	246,500	1,938,685	
1,481,481		136,000	1,345,481	
1,203,704	500,000	110,500	593,204	
33,595,556	4,300,000	3,000,500	26,295,056	
14,721,481				

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Người lập phiếu

STV Thực tập

CTY TNHH TIẾN NHI  
651QL1A, KP Thủ Thừa 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An  
MST: 030284126

**CHỨNG TỪ GHI SỔ số :**

17

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Số C/Từ	Số HĐ	Ngày tháng	Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
		31/07/2010	Lương bộ phận cửa	6221	334	7,096,296	
		31/07/2010	Trích KPCD 2%	6221	3382	154400	
		31/07/2010	Trích BHXH 16%	6221	3383	1235200	
		31/07/2010	Trích BHYT 3%	6221	3384	231600	
		31/07/2010	Trích BHIN 1%	6221	8889	77200	
			<b>CỘNG</b>			<b>8,794,696</b>	

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
CÔNG TY

**CTY TNHH TIỀN NHI**

651QL1A, KP Thủ Tiêu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST : 030284126

**SỔ CÁI**

Tháng 07 năm 2010

Tài khoản 622

Chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản chi tiết : 6221

Chi phí nhân công trực tiếp bộ phận cơ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			TK Nợ	TK Có
			<b>Tồn đầu kỳ :</b>		-	-
31/7/2010	17	31/7/2010	Lương bộ phận cơ	334	7,096,296	
31/7/2010	17	31/7/2010	Trích BHXH, BHYT, BHTN	338	1,698,400	
31/7/2010	17	31/7/2010	K/c sang TK 1541	1541		8,794,696

12

ÁT KINH DOANH

Tài khoản : 622- Chi phí nhân công trực tiếp

Tổng số tiền	Ghi nợ tài khoản : 622				
	6221	6222	6223	6224	6225
14,721,481	7,096,296	7,625,185			
3,467,200	1,698,400	1,768,800			
18,188,681	8,794,696	9,393,985	-	-	-



PLACEPASCAL DANIEL



### **2.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:**

Chi phí sản xuất chung của nhà máy bao gồm các khoản như tiền điện, tiền quản lý phân xưởng, tiền sửa chữa máy móc sản xuất, tiền khấu hao tài sản cố định, và các khoản chi phí mua ngoài liên quan đến quá trình sản xuất đá thành phẩm.

#### **a/ Chứng từ sử dụng:**

Khi tập hợp chi phí sản xuất chung kế toán căn cứ vào những chứng từ có liên quan như:

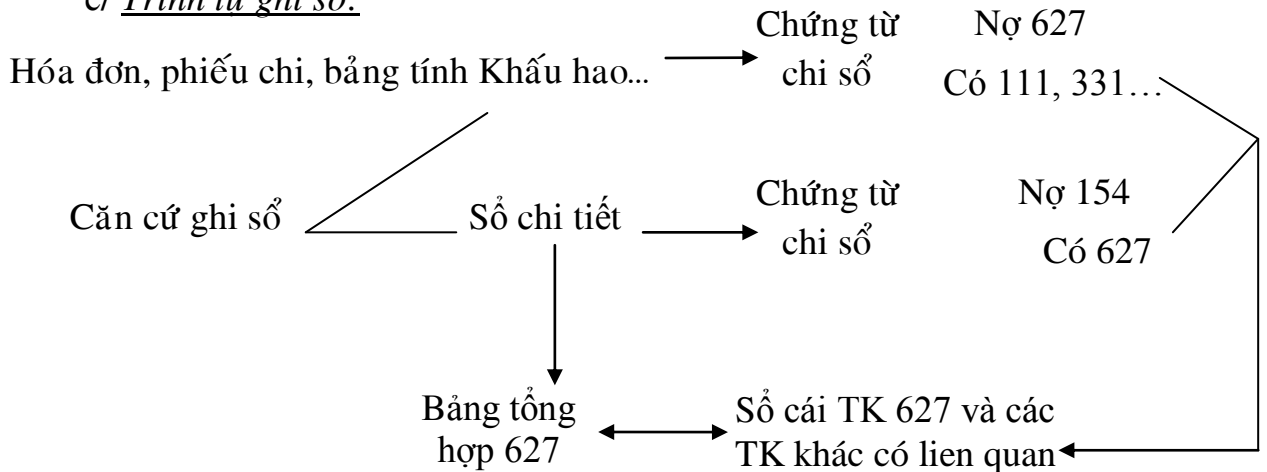
*SVTT: Trương Ngọc Hạnh*

- Phiếu chi
- Phiếu đề nghị thanh toán
- Bảng tính khấu hao tài sản
- Phiếu nhập kho

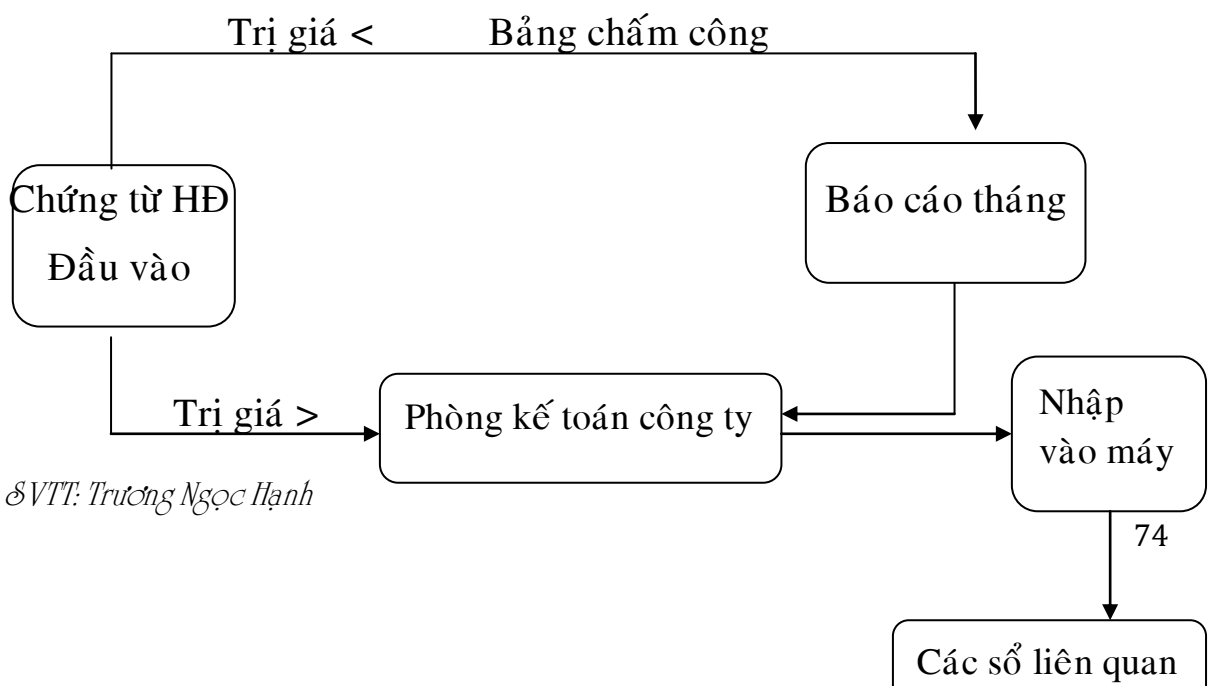
b/ Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái của TK 627.
- Sổ chi tiết của TK 627.
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 627.

c/ Trình tự ghi sổ:



SƠ ĐỒ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



d/ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng các tài khoản:

TK 627 : “chi phí sản xuất chung”

- TK 6271: chi phí sản xuất chung của bộ phận cơ

- TK 6272: chi phí sản xuất chung của bộ phận mài

Do tình hình hoạt động của nhà máy kế toán còn sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 214, TK 338, TK 331, ...

Do đặc điểm quá trình sản xuất và do nhà máy nhập nhiều máy móc thiết bị kĩ thuật công nghệ hiện đại từ nước ngoài cho nên ít công cụ dụng cụ được xuất dùng. Nếu phát sinh công cụ dụng cụ thì quản đốc nhà máy lập bảng kê yêu cầu mua công cụ dụng cụ và trình giám đốc nhà máy ký duyệt. Chi phí phát sinh cho khoản này rất ít nên công ty hạch toán khoản này vào mục chi phí mua ngoài và sử dụng TK 331 để tập hợp.

e/ Trình tự hạch toán:

Phần chi phí sản xuất chung của nhà máy chủ yếu là: chi phí lương và các khoản trích lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí điện, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ Chi phí lương nhân viên quản lý phân xưởng: gồm lương quản đốc, kĩ thuật, nhà bếp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của nhà nước.

- Căn cứ vào bảng lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích.

Kế toán hạch toán như sau:

Lương thực tế phải trả cho nhân viên:

➤ Nợ 627 : 10.125.926  
Có 334 : 10.125.926

Trong đó:

- Kỹ thuật: 4.100.000
- Cơ khí: 3.340.741
- Nhà bếp: 2.685.185

Đồng thời trích các khoản vào chi phí 22% (BHXH 16%, BHYT 3%, BHTN 1%, KPCĐ 2%). Trong đó:

- Kỹ thuật:

Lương CB 2.800.000+ Thất nghiệp 300.000+Phụ cấp 1.200.000=4.300.000

- Cơ khí:

Lương CB 2.200.000+ Thất nghiệp 500.000+Phụ cấp 740.000=3.440.000

- Nhà bếp:

Lương CB 1.800.000+ Thất nghiệp 200.000+Phụ cấp 900.000=2.900.000

*Tổng cộng:*

Lương CB 6.800.000 + TN 1.000.000 + PC 2.840.000 = 10.640.000

Vậy kế toán hạch toán như sau:

➤ Nợ 627 : 2.340.800  
Có 3382 : 212.800 (10.640.000 \* 2%)  
Có 3383 : 1.702.400 (10.640.000 \* 16%)  
Có 3384 : 319.200 (10.640.000 \* 3%)  
Có 3389 : 106.400 (10.640.000 \* 1%)

❖ Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm các chi phí khấu hao về nhà xưởng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Về phương pháp tính khấu hao nhà máy áp dụng theo phương pháp đường thẳng, công thức tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao hàng năm} &= \frac{\text{Nguyên giá tài sản}}{\text{Thời hạn sử dụng}} \\ \text{Mức khấu hao hàng tháng} &= \frac{\text{Mức khấu hao hàng năm}}{12} \end{aligned}$$

Nếu tài sản thu hồi đủ vốn vay nhà máy tiếp tục sử dụng không trích khấu hao nữa. Để thống nhất đơn giản cho việc tính khấu hao kế toán áp dụng quy tắc TSCĐ tăng tháng này thì tháng sau mới trích khấu hao. Nếu TSCĐ giảm tháng này thì tháng sau không trích khấu hao.

Căn cứ vào bảng tính khấu hao: ta có máy cắt đá hiệu Yamaha có nguyên giá là 252.000.000, thời gian sử dụng 7 năm. Công ty tính khấu hao như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao hàng năm} &= \frac{252.000.000}{7} = 36.000.000 \\ \text{Mức khấu hao hàng tháng} &= \frac{36.000.000}{12} = 3.000.000 \end{aligned}$$

- Như vậy cuối tháng kế toán tập hợp thực hiện trích khấu hao trên máy và in ra bảng khấu hao trong tháng 07 như sau: gồm máy cắt đá 3.000.000,

máy mài 26.361.938, hệ thống điện 3.843.386, máy nén khí 256.944. Tổng cộng mức khấu hao là 33.462.269.

Kế toán ghi nhận:

➤ Nợ 627 : 33.462.269

Có 214 : 33.462.269

❖ Chi phí dịch vụ mua ngoài:

- Chi phí điện cứ đến tháng, cơ quan điện lực gửi hóa đơn tiền điện đến nhà máy, kế toán nhà máy gửi hóa đơn về thủ quỹ tại công ty. Thủ quỹ xuất phiếu chi hay chuyển khoản đóng tiền điện.

▪ **VD<sub>1</sub>**: Căn cứ vào hóa đơn số 1672489 tiền điện phải đóng ở nhà máy 07/ 2010 là 14.825.000, thuế GTGT 10%. Kế toán hạch toán như sau:


Nợ 627: 14.825.000

Nợ 1331: 1.482.500


Có 331: 16.307.500

ĐỊNH CÔNG TY

	GIÁ TRỊ CÒN LẠI ĐẦU KỲ	MỨC KH THÁNG	CÒN LẠI CUỐI KỲ	GHI CHÚ
000	96,000,000	3,000,000	93,000,000	
057	1,792,611,794	26,361,938	1,766,249,856	
035	169,109,006	3,843,386	165,265,620	
033	5,138,908	256,944	4,881,964	
025	2,062,859,708	33,462,269	2,029,397,439	



Giám đốc  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN  
DANIEL  
PLACEPASCAL  
DANIEL




**HÓA ĐƠN TIỀN DIỆN (GTGT)**  
(Liên 2 - Giao khách hàng)  
Kỳ : 1 Từ ngày 25/6 Đến ngày 25/7  
ĐL Tân An

Mẫu số 01GTKT2/21N  
Ký hiệu AA/2010T  
Số: 3672489

Công ty : Điện Lực Long An  
Địa chỉ : Hoàng Hoa Thám P2 TXTA  
Điện thoại : 072.32210227  
Tên khách hàng : Công Ty TNHH Tiên Nhi  
Địa chỉ : Số 631 QL1A KP Thủ Thuật P. Tân Khánh, TP Tân An, Tỉnh Long An  
Điện thoại : 072.3511596

MST : 0300942001017  
MST : 0302481736

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số	Điện năng TP	Đơn giá	Thành tiền
579	569	1000	10000	935	9350000
178	175	1000	3000	1525	5475000
72	73				
Ngày 26 tháng 07 năm 2010					
 Công Dương Minh Hùng					14.825.000
Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT					1.482.500
Tổng cộng (chữ tham chiếu)					16.307.500
Số viết bằng chữ					Mười sáu triệu ba trăm linh bảy ngàn năm trăm đồng /.

- Ngoài chi phí điện, còn có chi phí thuê ngoài sửa chữa máy móc thiết bị, chi phí bằng tiền khác, ... Cuối tháng kế toán tổng hợp tất cả những khoản phát sinh này và hạch toán vào tài khoản.

▪ **VD<sub>2</sub>**: Căn cứ vào phiếu chi số 03/ 07 ngày 15/07/2010 sửa chữa máy số tiền 4.200.000. Kế toán hạch toán như sau:

Nợ 627: 4.200.000

SVTT: Trương Ngọc Hạnh



Có 111: 4.200.000

Kế toán các khoản thiệt hại: trong quá trình sản xuất do công nhân sơ ý hay do máy móc hoạt động không tốt gây ra các khoản thiệt hại như đá vỡ, tùy theo mức độ thiệt hại và tính chất thiệt hại gây ra mà kế toán có những khoản hạch toán riêng. Và trong quá trình hoạt động liên tục chắc chắn sẽ có thời gian ngừng việc sửa chữa lớn TSCĐ, hay do thiếu nguyên vật liệu hoặc sản phẩm chưa kịp tiêu thụ. Tuy nhiên công ty không lập kế hoạch trước để theo dõi trên TK 335 nên mọi chi phí ngừng việc điều tính vào giá thành trong tháng.

Để tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy như cách tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

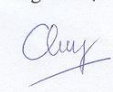
Các số liệu sẽ được chương trình tự động chuyển sang phân hệ kế toán tổng hợp để vào các sổ sách kế toán của TK 627 như: chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Mẫu số 01  
Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CTY TNHH TIẾN NHI  
631 QL Lộ 31 Thủ Đức Thủ Đức Quận Thủ Đức, TP Tân An, T. Long An

**PHIẾU CHI**  
Ngày 15 tháng 07 năm 2010

Họ tên người nhận : Nguyễn Quang Quý  
Địa chỉ :  
Lý do chi : Sửa chữa máy  
Số tiền : 4.500.000đ  
Số tiền viết bằng chữ : bốn triệu hai trăm ngàn đồng  
Chứng từ kèm theo :  
Ngày 15 tháng 07 năm 10

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ Quỹ	Người nhận
			 Nguyễn Quang Quý

❖ Căn cứ vào số liệu trên kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung tháng 07 như sau:

➤ Nợ 627:	64.953.995
Có 334:	10.125.926
Có 338:	2.340.800
Có 214:	33.462.269
Có 331:	14.825.000
Có 111:	4.200.000

- Cuối tháng kế toán phân bổ chi phí sản xuất chung: công ty phân bổ chi phí sản xuất theo tiền lương thực tế công nhân sản xuất nhận được.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{chung phân bổ cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất chung} \\ \text{cần phân bổ} \\ \text{Tổng tiền lương công} \\ \text{nhân sản xuất} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương CNSX} \\ \text{của từng đối tượng} \end{array}$$

Chi phí sản xuất chung cuối tháng kế toán tổng hợp được là: 64.953.995 đ

➤ Chi phí sản xuất chung phân bổ cho giai đoạn cửa:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{chung} \end{array} = \frac{64.953.995}{14.721.481} \times 7.096.296 = 31.310.218$$

- Chi phí sản xuất chung phân bổ cho giai đoạn mài:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{chung} \end{array} = \frac{64.953.995}{14.721.481} \times 7.625.185 = 33.643.777$$

- Sau đó kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng giai đoạn.

- ❖ Kế toán hạch toán như sau:

Giai đoạn cưa:

- Nợ 1541: 31.310.218  
Có 6271: 31.310.218

Giai đoạn mài:

- Nợ 1542: 33.643.777  
Có 6272: 33.643.777

**CTY TNHH TIỀN NHI**

651 QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST : 030284126

**SỔ CÁI**

Tháng 07 năm 2010

Tài khoản 627 Chi phí sản xuất chung

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			TK Nợ	TK Có
<u>Tồn đầu kỳ :</u>					-	-
31/7/2010	19	31/7/2010	Lương bộ phận quản lý phân x	334	10,125,926	
31/7/2010	19	31/7/2010	Trích BHXH,BHTN,BHVT	338	2,340,800	
31/7/2010	19	31/7/2010	Khấu hao TSCĐ	214	33,462,269	
31/7/2010	19	31/7/2010	Các khoản phải trả	331	14,825,000	
31/7/2010	19	31/7/2010	Chi phí bằng tiền	111	4,200,000	
31/7/2010	19	31/7/2010	K/c sang TK 154	154		64,953,995
			<u>Tổng cộng :</u>		64,953,995	64,953,995
			<u>Tồn cuối kỳ :</u>		-	-

Kế toán

*Kol*

*Nguyễn Thị Hoa*

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Giám đốc



PLACEPASCAL. DANIEL

CTY TNHH TIỀN NHI  
 651 QL1A, KP Thủ Tiêu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An  
 MST : 030284126

**CHỨNG TỪ GHI SỔ số :**

19

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Số CTừ	Số HĐ	Ngày tháng	Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
		31/07/2010	Lương bộ phận cửa	627	334	10,125,926	
		31/07/2010	Trích KPCĐ 2%	627	3382	212,800	
		31/07/2010	Trích BHXH 16%	627	3383	1,702,400	
		31/07/2010	Trích BHYT 3%	627	3384	329,200	
		31/07/2010	Trích BHTN 1%	627	3389	106,400	
		31/07/2010	Trích khấu hao TSCĐ	627	214	33,462,269	
	1672489	17/7/2010	Tiền điện phải trả	627	331	14,825,000	
PC03/07		31/07/2010	Chi phí bằng tiền khác	627	111	4,200,000	
			CỘNG			64,963,995	

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Giám đốc:



PLACEPASCAL DANIEL

CTY TNHH TIỀN NHI  
 651QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An  
 MST : 030284126

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 622- Chi phí sản xuất chung

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ tài khoản :627					
	Số hiệu	Ngày tháng				6271	6272	6273	6274	6275	
31/07/2010	19	31/07/2010	K/c sang TK 154	154	64,953,995	31,310,218	33,643,777				
			<b>Tổng cộng</b>		64,953,995	31,310,218	33,643,777				

CÔNG TY TNHH TIỀN NHI  
 Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Giám đốc

PLACEFASCAL DANIEL

Kế toán  
 Nguyễn Thị Hoa

### **3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì:**

Vì quá trình cửa diễn ra liên tục, sản phẩm dở dang có giá trị nhỏ nên việc xác định giá trị sản phẩm dở dang rất khó. Do đó công ty quyết định bỏ qua việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì. Đây cũng là khuyết điểm trong quá trình sản xuất của công ty.

### **4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Tiến Nhi:**

#### **4.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất:**

##### a/ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ CPNVL trực tiếp
- Bảng phân bổ CPNC trực tiếp
- Bảng phân bổ CPSX chung
- Phiếu nhập kho thành phẩm

##### b/ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 621, TK 622, TK 627, TK 154
- Sổ cái của các TK 621, TK 622, TK 627, TK 154
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 154

##### c/ Trình tự ghi sổ:

Sau khi có đầy đủ phát sinh trong kì do các nhân viên kế toán tập hợp. Các chi phí này sẽ được chuyển sang cho kế toán giá thành. Kế toán giá thành tập hợp chi phí có liên quan đến việc tính giá thành. Công ty áp dụng tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Cuối tháng kế toán tiến hành nhập các bút toán kết chuyển ở phân hệ kế toán tổng hợp như: kết chuyển từ TK 621, TK 622, TK 627 sang TK 154. Từ đó hệ thống chương trình máy tính sẽ tự động đưa lên các sổ sách kế toán như sổ chi tiết đối tượng, chứng từ ghi sổ 154, sổ cái 154, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh của TK 154.

d/ Tài khoản sử dụng:

Công ty sử dụng TK 154, Với chi tiết TK như sau:

- TK 1541: chi phí sản xuất kinh doanh bộ phận cửa
- TK 1542: chi phí sản xuất kinh doanh bộ phận mài

e/ Trình tự hạch toán:

Căn cứ vào phần hạch toán các loại chi phí đã được hạch toán. Kế toán ghi nhận tập hợp các khoản chi phí sang 154 từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn cửa:

➤ Nợ 1541: 683.043.814

Có 6211: 642.938.900

Có 6221: 8.794.696 (7.096.296 + 1.698.400)

Có 6271: 31.310.218

- Giai đoạn mài:

➤ Nợ 1542: 110.540.825

Có 6212: 67.511.405

Có 6222: 9.393.985 (7.625.185 + 1.768.800)

Có 6272: 33.643.777

CTY TNHH TIẾN NHÌ  
 651 QL1A, KP Thủ Thừa 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An  
 MST: 030284126

**CHỨNG TỪ GHI SỔ số :**

19

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Số C/Từ	Số HĐ	Ngày tháng	Trích yếu	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
		31/07/2010	K/c CPNVLTT	1541	6211	642,938,900	
		31/07/2010	K/c CPNCTT	1541	6221	8,794,696	
		31/07/2010	K/c CPSXC	1541	6271	31,310,218	
#			CỘNG	#		683,043,814	



Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Giám đốc

Kế toán  
*[Signature]*  
 Nguyễn Thị Hoa

CÔNG TY TNHH TIỀN NHÌ  
 65 QL1A, KP. Thủ Thừa 1, P. Tân Khánh, TP. Tân An, T. Long An  
 MST: 030284126

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản : 154- Chi phí sản xuất dở dang

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ tài khoản : 154						
	Số hiệu	Ngày tháng				1541	1,542	1543	1544	1545		
31/07/2010	15	31/07/2010	K/c CPNVLTT	621	710.450,305	642.938,900						
31/07/2010	17	31/07/2010	K/c CPNCTT	622	18.188,681	8794696						
31/07/2010	19	31/07/2010	K/c CPSXC	627	64.953,995	31310218						
			<b>Tổng cộng</b>		<b>793,592,981</b>	<b>683,043,814</b>				<b>110,549,167</b>		

CÔNG TY TNHH TIỀN NHÌ  
 Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Thủ Thừa  
 Kế Toán Kiểm Toán  
 Nguyễn Thị Hoa  
 PLACEFASCAL DANIEL

Kế toán  
 Nguyễn Thị Hoa

#### **4.2 Kế toán các khoản điều chỉnh giảm giá thành:**

Cuối tháng, quá trình sản xuất đá thành phẩm ở phân xưởng có các phế liệu thu hồi như đá vụn, lưỡi cưa, ... sẽ được nhập kho để làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất đá thành phẩm tháng sau. Giá trị của chúng được đánh giá theo ước lượng (kinh nghiệm)

Khoản chi phí này trong tháng 07 tập hợp được là 11.540.825 ở giai đoạn mài.

❖ Kế toán hạch toán như sau:

➤ Nợ 1528:    11.540.825  
            Có 1542:            11.540.825

#### **4.3 Phương pháp tính giá thành:**

Do quá trình công nghệ sản xuất trải qua 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: giai đoạn cưa hay còn gọi là giai đoạn bán thành phẩm. Ở giai đoạn này sau khi đá khối được cưa ra có thể bán cho khách hàng hoặc chuyển sang giai đoạn mài để tiếp tục quá trình sản xuất đá thành phẩm.

- Giai đoạn 2: giai đoạn mài cùng chính là giai đoạn thành phẩm

Vì giai đoạn cưa khi xong có thể bán cho khách hàng nên công ty áp dụng quy tắc tính giá thành phân bước.

Tính giá thành đá phiến bán thành phẩm ở giai đoạn cưa sau đó chuyển sang giai đoạn mài đá. Do chi phí sản xuất dở dang đầu kì, cuối kì bằng 0 nên giá thành phẩm được tính theo công thức sau:

$$\text{Tổng giá thành đá phiến bán thành phẩm} = \text{Tổng chi phí cửa - phế liệu thu hồi}$$

$$\text{Tổng giá thành đá phiến bán thành phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành đá phiến bán thành phẩm}}{\text{Tổng chi phí mài - phế liệu thu hồi}}$$

Từ các số liệu trên, công ty tính được giá thành đá bán thành phẩm và đá thành phẩm như sau:

$$\text{Tổng giá thành đá BTP} = (642.938.900 + 8.794.696 + 31.310.218) - 0 = 683.043.814$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành đá TP} &= 683.043.814 + (67.511.405 + 9.393.985 + 33.643.777) \\ &\quad - 11.540.825 = 782.052.156 \end{aligned}$$

Bên cạnh đó kế toán ghi nhận bút toán kết chuyển giá thành BTP để tính giá thành sản phẩm như trên như sau:

➤ Nợ 1542: 683.043.814

Có 1541: 683.043.814

❖ Khi tính giá thành chung xong, và trong tháng 07 công ty không xuất bán đá bán thành phẩm nên toàn bộ đá bán thành phẩm sau khi cửa sẽ được chuyển sang giai đoạn mài và cũng chính là giai đoạn thành phẩm.

Kế toán ghi bút toán nhập kho như sau:

➤ Nợ 155: 782.052.156

Có 1542: 782.052.156

### Công ty lập bảng tính giá thành đá thành phẩm

- Do công ty sản xuất nhiều loại đá khác nhau và nguyên vật liệu ban đầu của mỗi loại cũng khác nhau. Do đó công ty tính giá thành bán thành phẩm từng loại sản phẩm phân bổ theo NVL chính và giá thành thành phẩm cho từng loại sản phẩm phân bổ theo giá thành bán thành phẩm. Công ty phân bổ như sau:

#### ❖ Bảng tính giá thành bán thành phẩm:

- Phân bổ vật liệu phụ (vật tư) cho từng loại đá theo NVL chính, với tổng giá trị vật tư ở giai đoạn cửa la 66.251.616, tổng giá trị vật liệu chính là 576.687.274

▪ Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(66.251.616 : 576.687.274) * 245.757.946 = 28.233.432$$

▪ Đá đen ngọc:

$$(66.251.616 : 576.687.274) * 43.908.224 = 5.044.312$$

▪ Đá đỏ hồng đào:

$$(66.251.616 : 576.687.274) * 110.900.626 = 12.740.606$$

▪ Đá xanh Hassan:

$$(66.251.616 : 576.687.274) * 176.120.488 = 20.233.266$$

- Chi phí nhân công trực tiếp ở giai đoạn cửa có giá trị là 8.794.696 tập hợp chung nên công ty phân bổ cho từng loại đá cũng theo NVL chính với tổng giá trị 576.687.284

▪ Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(8.794.696 : 576.687.284) * 245.757.946 = 3.747.900$$

▪ Đá đen ngọc:

$$(8.794.696 : 576.687.284) * 43.908.224 = 669.617$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(8.794.696 : 576.687.284) * 110.900.626 = 1.691.276$$

- Đá xanh Hassan:

$$(8.794.696 : 576.687.284) * 176.120.488 = 2.685.903$$

- Tiếp theo phân bổ chi phí sản xuất chung với tổng giá trị sản xuất chung 31.310.218 theo NVL chính với tổng giá trị 576.687.284

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(31.310.218 : 576.687.284) * 245.757.946 = 13.342.994$$

- Đá đen ngọc:

$$(31.310.218 : 576.687.284) * 43.908.224 = 2.383.920$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(31.310.218 : 576.687.284) * 110.900.626 = 6.021.154$$

- Đá xanh Hassan:

$$(31.310.218 : 576.687.284) * 176.120.488 = 9.562.150$$

- Như vậy tổng cộng lại chi phí từng loại đá hay ta phân bổ tổng giá thành bán thành phẩm theo NVL chính thì ta có giá thành từng loại đá ở giai đoạn cửa như sau:

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(245.757.946 + 28.233.432) + 3.747.900 + 13.342.994 = 291.082.272$$

$$\text{Hay } (683.043.814 : 576.687.284) * 245.757.946 = 291.082.272$$

- Đá đen ngọc:

$$(43.908.224 + 5.044.312) + 669.617 + 2.383.920 = 52.006.073$$

$$\text{Hay } (683.043.814 : 576.687.284) * 43.908.224 = 52.006.073$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(110.900.626 + 12.740.606) + 1.691.276 + 6.021.154 = 131.353.662$$

$$\text{Hay } (683.043.814 : 576.687.284) * 110.900.626 = 131.353.662$$

- Đá xanh Hassan:

$$(176.120.488 + 20.233.266) + 2.685.903 + 9.562.150 = 208.601.807$$

$$\text{Hay } (683.043.814 : 576.687.284) * 176.120.488 = 208.601.807$$

- Với số lượng hoàn thành như sau: đỏ Ruby 739,327; đen ngọc 268,990; đỏ hồng đào 689,460; đá xanh Hassan 832,100 thì đơn giá từng loại đá là:

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$291.082.272 : 739,327 = 393.712$$

- Đá đen ngọc:

$$52.006.073 : 268,990 = 193.338$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$131.353.662 : 689,460 = 190.517$$

- Đá xanh Hassan:

$$208.601.807 : 832,100 = 250.693$$

Từ đó dựa vào số liệu đã tính công ty lập bảng tính giá thành bán thành phẩm (giai đoạn cơ)

#### ❖ Bảng tính giá thành thành phẩm

- Phân bổ vật liệu (vật tư) cho từng loại đá theo giá thành bán thành phẩm, với tổng giá trị vật tư ở giai đoạn mài là: 67.511.405, tổng giá thành bán thành phẩm đã tính là 683.043.814

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(67.511.405 : 683.043.814) * 291.082.272 = 28.770.297$$

- Đá đen ngọc:



$$(67.511.405 : 683.043.814) * 52.006.073 = 5.140.231$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(67.511.405 : 683.043.814) * 131.353.662 = 12.982.872$$

- Đá xanh Hassan:

$$(67.511.405 : 683.043.814) * 208.601.807 = 20.618.005$$

- Chi phí nhân công trực tiếp ở giai đoạn mài có giá trị là: 9.393.985  
tập hợp chung nên công ty phân bổ cho từng loại đá cũng theo tổng BTP  
chưa mài với tổng giá trị 683.043.814

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(9.393.985 : 683.043.814) * 291.082.272 = 4.003.290$$

- Đá đen ngọc:

$$(9.393.985 : 683.043.814) * 52.006.073 = 715.246$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(9.393.985 : 683.043.814) * 131.353.662 = 1.806.523$$

- Đá xanh Hassan:

$$(9.393.985 : 683.043.814) * 208.601.807 = 2.868.926$$

- Tiếp theo phân bổ chi phí sản xuất chung với tổng giá trị SXC  
33.643.777 theo BTP chưa mài với tổng giá trị 683.043.814

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(33.643.777 : 683.043.814) * 291.082.272 = 14.337.451$$

- Đá đen ngọc:

$$(33.643.777 : 683.043.814) * 52.006.073 = 2.561.594$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(33.643.777 : 683.043.814) * 131.353.662 = 6.469.912$$

- Đá xanh Hassan:

$$(33.643.777 : 683.043.814) * 208.601.807 = 10.274.820$$

- Giai đoạn này có phế liệu thu hồi là tổng giá trị là 11.540.825  
, công ty cũng phân bổ ra cho từng loại đá theo giá trị BTP chưa mài như  
trên:

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(11.540.825 : 683.043.814) * 291.082.272 = 4.918.176$$

- Đá đen ngọc:

$$(11.540.825 : 683.043.814) * 52.006.073 = 878.703$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(11.540.825 : 683.043.814) * 131.353.662 = 2.219.374$$

- Đá xanh Hassan:

$$(11.540.825 : 683.043.814) * 208.601.807 = 3.524.572$$

- Như vậy tổng cộng lại chi phí từng loại đá và trừ đi phế liệu thu hồi  
hay ta phân bổ tổng giá thành thành phẩm theo BTP chưa mài thì ta có giá  
thành từng loại đá ở giai đoạn mài như sau:

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$(291.082.272+28.770.297)+4.003.290+14.337.451-4.918.176=333.275.134$$

$$\text{Hay: } (782.052.156 : 683.043.814) * 291.082.272 = 333.275.134$$

- Đá đen ngọc:

$$(52.006.073+5.140.231)+ 715.246+2.561.594 - 878.703 = 59.544.441$$

$$\text{Hay: } (782.052.156 : 683.043.814) * 52.006.073 = 59.544.441$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$(131.353.662+12.982.872)+ 1.806.523+6.469.912 - 2.219.374=150.393.595$$

$$\text{Hay: } (782.052.156 : 683.043.814) * 131.353.662 = 150.393.595$$

- Đá xanh Hassan:

$$(208.601.807+20.618.005)+2.868926+10.274.820 - 3.524.572=238.838.968$$

$$\text{Hay: } (782.052.156 : 683.043.814) * 208.601.807 = 238.838.968$$

- Với số lượng hoàn thành như sau: đá đỏ Ruby 739,327; đá đen ngọc 268,990; đá đỏ hồng đào 689,460; đá xanh Hassan 832,100 thì đơn giá từng loại đá là:

- Đá đỏ Ruby bông lớn:

$$333.275.134 : 739,327 = 450.782$$

- Đá đen ngọc:

$$59.544.441 : 269,990 = 221.363$$

- Đá đỏ hồng đào:

$$150.393.595 : 689,460 = 218.132$$

- Đá xanh Hassan:

$$238.838.968 : 832,100 = 287.032$$

↪ Với số liệu đã tính công ty lập bảng tính giá thành thành phẩm (giai đoạn mài\_hoàn chỉnh)

**CTY TNHH TIẾN NHI**

651QL1A, KP Thủ Tầu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST :030284126

**SỔ CÁI**

Tháng 07 năm 2010

Tài khoản 154

Chi phí sản xuất dở dang

Tài khoản chi tiết : 1541

Chi phí sản xuất dở dang bộ phận cưa

Ngày tháng ghi sổ	ứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			TK Nợ	TK Có
			<b>Tồn đầu kỳ :</b>		-	-
31/7/2010	20	31/7/2010	Chi phí NVLTT	6211	642,938,900	
31/7/2010	20	31/7/2010	Chi phí NCTT	6221	8,794,696	
31/7/2010	20	31/7/2010	Chi phí SXC	6271	31,310,218	
31/7/2010	20		K/c giá thành BTP	1542		683,043,814
			<b>Tổng cộng :</b>		<b>683,043,814</b>	<b>683,043,814</b>
			<b>Tồn cuối kỳ :</b>		-	-

Kế toán

*Kel*  
Nguyễn Thị Hoa



Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Giám đốc

PLACE PASCAL DANIEL

CTY TNHH TIỀN NHI

651QL1A, KP Thủ Từu 1, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST : 030284126

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 07 năm 2010

Tài khoản 154

Chi phí sản xuất dở dang

Tài khoản chi tiết : 1541

Chi phí sản xuất dở dang bộ phận cưa

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số Hiệu	Ngày			TK Nợ	TK Có
			<b>Tồn đầu kỳ :</b>		-	-
2/7/2010	PX 01/07	2/7/2010	Chi phí NVLTT	6211	642,938,900	
2/7/2010	PX 02/07	2/7/2010	Chi phí NCTT	6221	8,794,696	
5/7/2010	PX 03/08	5/7/2010	Chi phí SXC	6271	31,310,218	
5/7/2010	PX 04/09	5/7/2010	K/c giá thành BTP	1542		683,043,814
			<b>Tổng cộng :</b>		<b>683,043,814</b>	<b>683,043,814</b>
			<b>Tồn cuối kỳ :</b>		-	-

Kế toán

*Vol*  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Thị Hoa

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 Giám đốc  
 TRẦN THỊM HỮU HAN  
 TIỀN NHI  
 TP. TÂN AN - T. LONG AN  
 PLACEPASCAL DANIEL

CTY TNHH TIỀN NHI

651QL/A, KP Thủ Thừa I, P. Tân Khánh, TP Tân An, T. Long An

MST: 030284126

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH BÁN THÀNH PHẨM**

Tháng 7/2010

STT	Khoản mục chi phí	Đỏ Ruby Bông Lớn	Đen Ngọc	Đỏ Hồng+Đào	Xanh Hassan	Tổng Cộng
1	CP NVLTT	273,991,378	48,952,536	123,641,232	196,353,754	642,938,900
	Đá khối	245,757,946	43,908,224	110,900,626	176,120,488	576,687,284
	Vật tư	28,233,432	5,044,312	12,740,606	20,233,266	66,251,616
2	CP NCTT	3,747,900	669,617	1,691,276	2,685,903	8,794,696
3	CP SXC	13,342,994	2,383,920	6,021,154	9,562,151	31,310,219
	Tổng Z/BTP	291,082,272	52,006,073	131,353,662	208,601,808	683,043,815
	Số lượng	739,327	268,990	689,460	832,100	2,529,877
	Đơn giá BTP	393,712	193,338	190,517	250,693	269,991

Kế toán

*NCL*

Nguyễn Thị Hòa

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

Người lập phiếu



PLACEPASCAL DANIEL

Place  
Address  
Telephone

CTY TNHH TIẾN NHI  
631QL1A.KP Thủ Thừa 1, P. Tân Khánh, TP. Tân An, T. Long An  
MST : 030284126

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH THÀNH PHẨM**

Tháng 7/2010

STT	Khoản mục chi phí	Đô Ruby Bông Lớn	Đen Ngọc	Đô Hồng Đào	Xanh Hassan	Tổng Cộng
1	CP NVLTT	319,852,569	57,146,304	144,336,534	229,219,813	750,555,220
	BTP chưa mái	291,082,272	52,006,073	131,353,662	208,601,808	683,043,815
	Vật tư	28,770,297	5,140,231	12,982,872	20,618,005	67,511,405
2	CP NCTT	4,003,290	715,246	1,806,523	2,868,926	9,393,985
3	CP SXC	14,337,451	2,561,594	6,469,912	10,274,821	33,643,778
	Tổng Chi Phí	338,193,310	60,423,144	152,612,969	242,363,560	793,592,983
	Phế liệu thu hồi	4,918,176	878,703	2,219,374	3,524,572	11,540,825
	Tổng Z TP	333,275,134	59,544,441	150,393,595	238,838,988	782,052,158
	Số lượng	739,327	268,990	689,460	832,100	2,529,877
	Đơn giá BTP	450.782	221.363	218.132	287.032	309.127

Kế toán

*Nguyen Thi Hoa*

Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
Người lập phiếu

*Nguyen Thi Hoa*



PLACEPASCA DANIEL

## PHẦN 3

# Nhận Xét

# Kiến Nghị

# Kết Luận





## **1. NHẬN XÉT CHUNG:**

### **1.1. Những ưu điểm của công ty:**

Trong hơn mười năm trưởng thành và phát triển cùng với các ngành sản xuất và kinh doanh đá Granite. Công ty đã không ngừng cố gắng, phấn đấu, vượt qua những khó khăn thử thách do cơ chế thị trường cũng như sức cạnh tranh của các doanh nghiệp khác. Dưới sự điều hành của Ban giám đốc cùng sự cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ – công nhân viên trong Công ty, đến nay Công ty đã dần khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường và làm ăn ngày càng có hiệu quả. Sản phẩm được khách hàng đánh giá khá cao về chất lượng, cũng như giá thành hợp lý dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt. Trên đà phát triển đó, hiện tại và trong tương lai Công ty sẽ không ngừng mở rộng thị trường thu hút khách hàng trong nước. Có được những thành tựu to lớn như vậy là do các nhân tố chính sau:

#### **❖ Về tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất:**

- Bộ máy quản lý (Ban giám đốc) của công ty gồm những nhà quản lý có khả năng lãnh đạo, năng động, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, luôn có những sáng kiến giải pháp phù hợp, giải quyết nhanh chóng những sự cố xảy ra và kịp thời đưa ra những chỉ thị, chỉ đạo cho cấp dưới thực hiện.

- Công ty xây dựng được mô hình tổ chức quản lý gọn nhẹ, khoa học. Được chia thành các phòng ban riêng, mỗi phòng ban lại có nhiệm vụ chức năng cụ thể, tuy nhiên chúng hoạt động không tách rời mà luôn hỗ trợ,

phối hợp cho nhau tạo nên một sự hoạt động thống nhất trong tổ chức quản lý.

- Công ty TNHH Tiến Nhi là một doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc, mô hình sản xuất của công ty tương đối lớn.

- Công ty có một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm, nhạy bén trước tình hình nhiệt tình, năng động, không ngừng phấn đấu học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhanh chóng hòa nhập thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế.

- Bên cạnh đó, công ty có lực lượng công nhân lành nghề giúp công ty đảm bảo sản xuất, cùng với dây chuyền máy móc hiện đại, hệ thống công nghiệp thiết bị Châu Âu và nguồn nguyên liệu tốt nên các sản phẩm của công ty đã đáp ứng được nhu cầu thị trường, ngày càng mở rộng thị phần. Sản phẩm đá của công ty có màu sắc đẹp, đúng tiêu chuẩn xây dựng luôn được người tiêu dùng trong cả nước kể cả một số nước trong khu vực tín nhiệm cao.

- Công ty luôn cố gắng tạo cho cán bộ công nhân viên môi trường làm việc tốt như: lắp đặt máy lạnh, máy vi tính có nối mạng, có phòng ăn cho nhân viên, nơi làm việc được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết, luôn được giữ vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát,..

↪ Tóm lại sau hơn 10 năm hoạt động, công ty đã có bước phát triển đáng ghi nhận về chất lượng, về tăng trưởng sản xuất và giá trị sản xuất công nghiệp. Công ty đã có những nỗ lực phấn đấu sản xuất kinh doanh, thể hiện tốt tinh thần chia sẻ trách nhiệm chỉ đạo của Chính phủ trong việc bình ổn thị trường, kiềm chế lạm phát.

❖ Tổ chức công tác kế toán:

- Về chế độ kế toán: phòng kế toán công ty luôn tuân thủ, áp dụng đúng các nguyên tắc được quy định trong chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Thường xuyên cập nhật thông tin, các thông tư, nghị định do Bộ tài chính ban hành.

- Về cơ cấu bộ máy kế toán: Công ty có đội ngũ kế toán đầy năng lực, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đồng bộ ăn khớp với nhau nên cung cấp thông tin nhanh và chính xác.

- Về hình thức tổ chức kế toán tập trung: bộ máy của công ty được tổ chức hợp lý, hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Công ty có đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, luôn tìm tòi sáng tạo. Hơn nữa việc tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung là tương đối phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống và mọi công việc hạch toán kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán trung tâm của công ty, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng. Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán như vậy đã giúp công ty sử dụng tiết kiệm và tập trung nguồn nhân lực, thuận lợi cho việc kiểm tra, đôn đốc việc ghi chép chúng từ vào sổ kế toán. Đây chính là cơ sở cho kế toán quản trị chi phí và giá thành phát huy tác dụng cung cấp các thông tin hữu ích, nhanh chóng và có hiệu quả.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ kết hợp với việc hạch toán trực tiếp trên máy vi tính đã đem lại rất nhiều thuận lợi trong công tác kế toán. Góp phần giảm bớt khối lượng ghi

chép thủ công, công tác kế toán được đơn giản hóa, việc theo dõi, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sổ sách; việc đối chiếu, cập nhật sửa chữa những sai sót đều được thực hiện bằng máy vi tính và nhanh chóng.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng: công ty đã sử dụng đúng và khá đầy đủ chứng từ theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Hệ thống sổ sách kế toán ghi chép chính xác, rõ ràng, đầy đủ, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời bảo đảm việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ sổ sách thuận lợi, rõ ràng tạo điều kiện cho kế toán thực hiện chức năng kiểm tra giám sát, đặc biệt cho việc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

- Về luân chuyển chứng từ: công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ và sổ sách hợp lý đầy đủ gồm các bảng kê, bảng tổng hợp chi phí, các sổ chi tiết. Các chứng từ được sử dụng đảm bảo tính thống nhất cả về biểu mẫu và quy trình luân chuyển theo chế độ Nhà nước quy định.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản phù hợp với chế độ quy định. Hệ thống tài khoản rõ ràng, chi tiết cho từng đối tượng, luôn cập nhật và thay đổi kịp thời theo quy định và quản lý của công ty.

- Về phân loại chi phí: các chi phí trong kỳ được kế toán phân loại một cách chính xác và hợp lý cho các đối tượng chịu chi phí, tạo điều kiện cho công tác tính giá thành sản phẩm cuối kỳ.

- Về đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành, kỳ tính giá thành: công ty đã xác định được đối tượng kế toán CPSX và đối tượng tính giá

thành phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất và đáp ứng được yêu cầu quản lý CPSX tại công ty. Cụ thể là đối tượng kế toán CPSX là từng phân xưởng đối với các sản phẩm. Đối tượng tính giá thành và sản phẩm hoàn thành, đơn vị tính m<sup>3</sup>, kỳ tính giá thành là tháng.

- Công ty chọn đối tượng tập hợp chi phí và toàn bộ quy trình công nghệ, đối tượng tính giá thành là theo từng sản phẩm giúp ta tính được giá thành riêng của từng loại sản phẩm, từ đó có thể điều chỉnh hay có kế hoạch đầu tư thích hợp cho mỗi loại sản phẩm.

- Việc áp dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên cho phép kế toán có thể kiểm soát được từng lần nhập, xuất vật tư, hạn chế tình trạng thất thoát sử dụng lãng phí.

- Kế toán chi phí nhân công tương đối rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc “làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít” góp phần vào việc sử dụng hợp lý lao động, nâng cao năng suất lao động.

Nhìn chung, công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm ở công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý ở công ty xét trên cả hai khía cạnh: tuân thủ các chuẩn mực kế toán chung và phù hợp với tình hình thực tế của công ty

- Về phần mềm kế toán vào công tác kế toán: Hiện nay, công ty đã thực hiện ứng dụng công nghệ máy tính vào hạch toán kế toán. Máy tính đã góp phần thuận lợi cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá

thành sản phẩm của công ty, việc cung cấp các số liệu, các sổ sách được tiến hành nhanh chóng và chính xác.

Công ty đã trang bị máy tính cho hầu hết các phòng ban, tạo điều kiện tốt hơn cho công tác quản lý cũng như công tác kế toán. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được chương trình tự động xử lý sau khi lễ toán tiến hành nhập liệu vào máy. Hệ thống sổ sách kế toán được thực hiện trên máy nên thông tin được lưu trữ chặt chẽ, số liệu ít nhầm lẫn hơn so với kế toán thủ công, có thể dễ dàng kiểm tra số liệu khi cần thiết, có sự thống nhất giữa các phần hành với nhau.

### **1.2 Những hạn chế của công ty:**

Do công ty có ba nhà máy trực thuộc name rải rác nhiều nơi nên phần nào gây khó khăn trong công tác điều hành quản lý, sản xuất kinh doanh.

Hiện tại nhà máy chỉ có một thủ kho kiêm kế toán vật tư, thủ kho phải đảm đương nhiều công việc cùng một lúc như kiểm kê hàng, theo dõi nhập xuất tồn của nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm cũng như tổ chức ghi chép số liệu và báo cáo lên công ty vào cuối tháng điều này sẽ dẫn đến tình trạng như thủ kho gian lận trong lúc nhập hàng và xuất hàng như xuất hàng nhiều mà lại ghi vào sổ ít, và tại công ty thì kế toán tiền kiêm thủ quỹ do đó sẽ gây ra nhiều sai sót như thủ quỹ chiếm dụng vốn của công ty do thu tiền nhưng không ghi chép ngay vào tại thời điểm thu tiền.

- Bộ phận kế toán đặt xa nhà máy do đó việc nhập xuất tồn nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm không nắm bắt kịp thời, làm cho

số liệu không chính xác do đó làm mất thời gian trong việc tìm kiếm và sửa sai.

- Công ty sử dụng máy vi tính ghi chép xử lý số liệu mặc dù có nhiều thuận lợi nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều hạn chế như máy bị hư hỏng hay nhiễm virus làm số liệu kế toán bị mất và khó có thể phục hồi lại nguyên vẹn, gây mất thời gian nhập và kiểm tra lại.

- Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: đá khối và vật tư mà công ty nhập đa phần chỉ có một nhà cung cấp điều này sẽ làm ảnh hưởng đến giá cả vì nhà cung cấp dựa vào đó sẽ bán hàng với giá cao cho công ty, giá nhập cao dẫn đến chi phí nguyên vật liệu cao kéo theo giá thành sản phẩm sẽ cao. Bên cạnh đó, công ty chưa đăng ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu (đá khối và vật tư) mà chỉ dựa trên ước tính tiêu hao điều này khó kiểm soát được lượng xuất nguyên vật liệu cũng như đá thành phẩm nhập kho do phiếu xuất kho nguyên vật liệu và phiếu nhập kho thành phẩm đều do thủ kho viết phiếu.

- Về chi phí nhân công trực tiếp: hiện nay công ty đã thực hiện việc trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân sản xuất theo đúng chế độ quy định vào chi phí sản xuất. Nhưng bên cạnh đó, công ty lại không thực hiện việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất. Như vậy nếu lực lượng sản xuất của công ty mà nghỉ phép hàng loạt mà tháng đó không thực hiện trích trước thì sẽ làm cho chi phí nhân công của tháng đó tăng lên như vậy sẽ làm tăng giá thành sản phẩm và không ổn định giữa các kỳ hạch lớn.

- Trên bản thanh toán lương, công ty không thể hiện rõ các khoản phụ cấp cho nhân viên điều này làm cho người lao động không hiểu rằng mình được công ty phụ cấp những gì.

- Tiền lương của cán bộ công nhân viên còn thấp so với mặt bằng chung hiện nay.

- Về chi phí sản xuất chung: công ty vẫn tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo nguyên tắc tròn tháng. Điều này không đảm bảo phản ánh đúng chi phí thực tế phát sinh, ảnh hưởng tới tính chính xác của giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, đây là phương pháp có ưu điểm là dễ tính nhưng nhược điểm là không thu hồi được vốn nhanh, không bù đắp được hao mòn vô hình, gây khó khăn trong việc hiện đại hóa máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ. Công ty tổng hợp chi phí chung nhưng khi tính giá thành thì tính riêng cho từng loại sản phẩm phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất cho từng loại sản phẩm nhưng về chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung không theo dõi một cách chi tiết sự biến động của chúng cho từng loại sản phẩm.

- Công ty bỏ qua việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì làm cho việc tính giá thành không được chính xác mặc dù sản phẩm dở dang có giá trị nhỏ.

## **2. Kiến nghị:**

Qua một thời gian thực tập tại công ty, với tư cách là một sinh viên lần đầu tiên được làm quen với công tác kế toán thực tiếp tại một doanh



nghiệp sản xuất kinh doanh, với những hiểu biết nhất định về tình hình thực tế tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, với những hiểu biết nhất định về tình hình thực tế công tác kế toán, với mong muốn góp phần bổ sung và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nói riêng của Công ty TNHH Tiến Nhi, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến như sau:

❖ Về tổ chức công tác kế toán:

Công ty cần tách các phần hành kế toán riêng để hạn chế những sai sót trong công việc. Cụ thể kế toán tiền kiêm thủ quỹ nên tách riêng để tránh tình trạng chiếm dụng vốn của công ty. Thủ kho và kế toán kho nên tách riêng để tránh gian lận trong khâu nhập xuất nguyên liệu.

❖ Về tổ chức luân chuyển chứng từ: để thuận tiện cho việc đối chiếu giữa thủ kho, kế toán và theo dõi tình hình công nợ với khách hàng. Việc viết phiếu nhập kho chuyển cho kế toán kho theo trình tự: lập 3 liên. Người lập phiếu, người giao hàng cầm 1 liên đến kho nhập hàng hóa, vật tư. Thủ kho kiểm xong ghi ngày tháng năm và ký vào phiếu nhập kho cùng người giao hàng. Thủ kho giữ một liên để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển một liên về công ty để kế toán công nợ theo dõi các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp.

Công ty cần hỗ trợ một máy chủ có công suất lớn để chứa dữ liệu tránh trường hợp mất mát dữ liệu.

❖ Về công tác kế toán:

1/ Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Công ty cần tìm thêm nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu để đánh giá cả tăng đột ngột nhằm ổn định giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó, công ty cần đang ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu thì việc kiểm soát tình trạng hao hụt đá trong quá trình sản xuất cũng như lượng nguyên vật liệu xuất dùng và lượng đá thành phẩm nhập kho sẽ được chính xác.

## 2/ Về chi phí nhân công trực tiếp:

Ngoài khoản tiền lương trả thì công ty không lập các khoản khen thưởng nào để khuyến khích công nhân. Đối với những công nhân làm việc tích cực có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc cũng hưởng lương như những công nhân khác, như thế thì không hợp lý. Để khuyến khích công nhân hăng hái, tích cực trong công việc, thi đua để nâng cao năng suất thì cần thiết phải có khoản trích khen thưởng cho công nhân sản xuất giỏi để làm tinh thần khích lệ cho công nhân sản xuất làm việc tích cực đạt hiệu quả hơn để tăng năng suất. Bên cạnh đó, công ty cần tách ra nhiều khoản phụ cấp như chuyên cần, chuyên môn, ... hay hơn là cộng dồn về một khoản giúp người lao động hiểu rõ hơn về phụ cấp của công ty dành cho người lao động.

Công ty nên tăng lương để đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên ngày được nâng cao đặc biệt trong tình hình giá cả ngày một leo thang xong vẫn đảm bảo nguyên tắc: tốc độ tăng tiền lương phải chậm hơn tốc độ tăng năng suất lao động.

Ngoài ra, công ty chưa trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân sản xuất, theo ý kiến em công ty cần thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép cho công nhân để giá thành trong các kỳ được ổn định phục vụ cho công tác phân tích chi phí được thuận lợi.

## 3/ Về chi phí sản xuất chung:

Hiện nay đã có quy định mới về việc trích khấu hao tài sản cố định theo đó, việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo nguyên tắc tròn ngày. Vì vậy để đảm bảo hạch toán chi phí sản xuất được chính xác và đúng so với chế độ kế toán hiện hành, công ty cần thực hiện trích khấu hao theo nguyên tắc tròn ngày. Có như vậy mới phản ánh chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm trong kỳ.

Do sửa chữa lớn TSCĐ hay thiếu nguyên vật liệu hoặc sản phẩm chưa kịp tiêu thụ, công ty không lập kế hoạch trích trước mọi chi phí xảy ra trong quá trình sản xuất nếu xảy ra trong tháng nào thì tập hợp vào giá thành tháng đó. Như vậy giá thành sản phẩm phải gánh một khoản chi phí khá lớn sẽ làm ảnh hưởng giá thành. Do vậy công ty cần phải lập kế hoạch cho các khoản thiệt hại ngừng sản xuất, không nên tập hợp một khoản chi phí khá lớn vào một kỳ giá thành. Để đảm bảo sự ổn định của giá thành, kế toán nên ước tính để trích trước chi phí thiệt hại.

4/ Về tính giá thành: Công ty nên thực hiện việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ để cho việc tính giá thành được chính xác mặc dù sản phẩm dở dang có giá trị nhỏ.

Công ty cần thực hiện vi tính hóa trong công tác kế toán như sử dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc ghi chép, tính toán của cán bộ kế toán dành thời gian cho công tác phân tích và dự báo số liệu.

→ Nói tóm lại, công ty tiếp tục phát huy được những ưu điểm vốn có, những biện pháp hạn chế, khắc phục được những tồn tại trên thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành phẩm sẽ thực sự phát huy được những vai trò vốn có của mình, góp phần vào sự phát triển và thành công chung của công ty.

### **3. Kết luận:**

- Hiện nay công ty đang trên đà phát triển, tạo được nhiều uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó công ty luôn phải đối đầu với quá trình cạnh tranh gay gắt, để đứng vững trên thị trường công ty cần phải nắm bắt nhanh chóng thường xuyên các thông tin, đặc biệt là thông tin tài chính của các đối thủ cạnh tranh và của chính bản thân công ty. Việc cung cấp các thông tin tài chính của công ty không ai khác hơn là một bộ máy kế toán của công ty, do đó việc nâng cao hiệu quả của công tác kế toán là rất cần thiết.

- Mặt khác ta thấy rằng trong các yếu tố cạnh tranh thì việc hạ thấp giá thành để giảm giá bán là một yếu tố không thể thiếu. Do đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đóng vai trò rất quan trọng trong công tác kế toán của công ty.

- Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Tiến Nhi đã giúp em có hướng nhìn tổng quát về bộ máy kế toán của công ty. Tuy chưa thể nghiên cứu hết vào chiều sâu của bộ máy nhưng em phần nào cũng nắm được tình hình hoạt động của bộ máy kế toán của công ty đặc biệt là tính giá thành. Với quá trình nghiên cứu và tình hình giá thành ở công ty cho thấy công ty đã tập hợp chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất khá tốt, phản ánh trung thực các khoản mục tính giá thành. Tuy nhiên em cũng hy vọng rằng những kiến nghị của em sẽ được công ty xem xét để góp phần nhỏ hoàn thiện hơn trong việc tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

- Do bộ máy kế toán tại công ty tương đối lớn, thời gian thực tập lại có hạn, kiến thức chuyên môn còn hạn hẹp nên em không thể tránh khỏi thiếu sót có những vấn đề chưa thể đi sâu hơn về giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp sản xuất, tạo điều kiện cho em tiếp cận với thực tế công việc và có khả năng quản lý giá thành tốt hơn. Với sự nỗ lực toàn diện, của ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, với một thời gian không xa trong công cuộc đổi mới đất nước Công ty Tiến Nhi sẽ có những bước tiến mạnh mẽ và xa hơn nữa, góp phần phát triển công ty, đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.